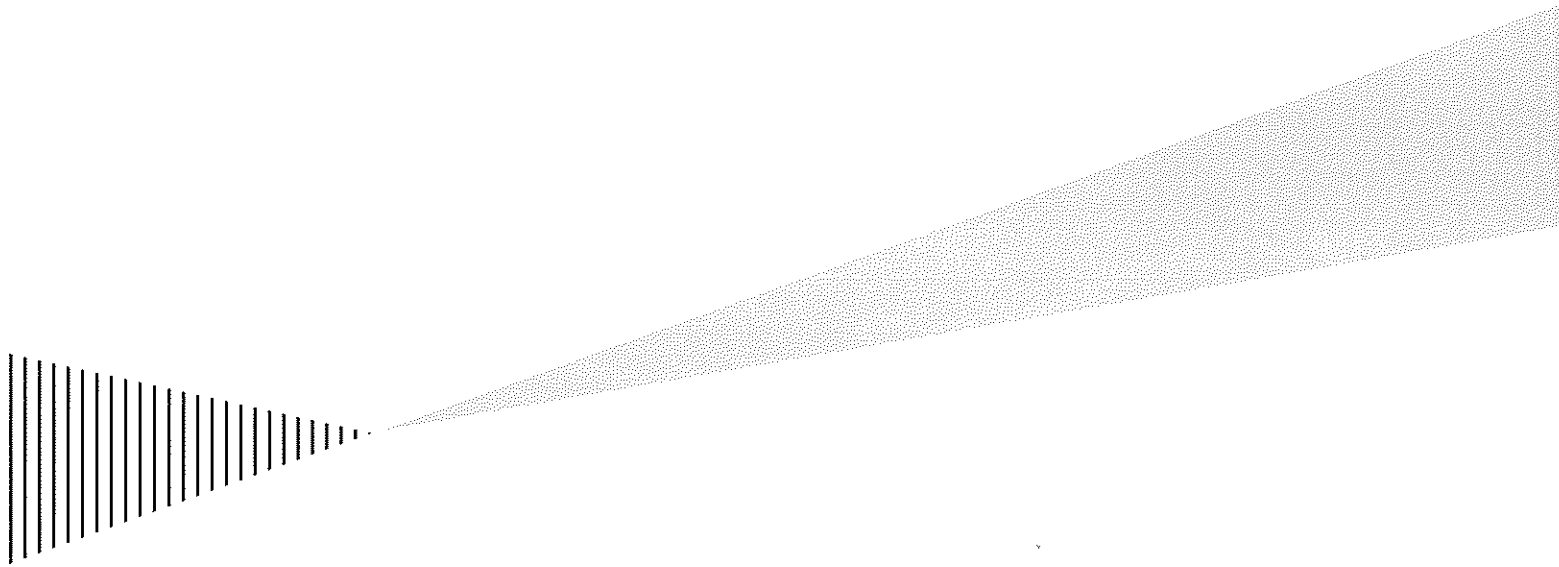


Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Building a better
working world

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 91
Phụ lục 1 - Danh sách công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	92 - 98

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi, với lần gần nhất là lần thứ 60 được cấp ngày 18 tháng 3 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Nhật Vượng	Chủ tịch
Ông Lê Khắc Hiệp	Phó chủ tịch
Bà Phạm Thúy Hằng	Phó chủ tịch
Bà Phạm Thu Hương	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Diệu Linh	Phó chủ tịch
Bà Vũ Tuyết Hằng	Phó chủ tịch
Ông Ling Chung Yee Roy	Thành viên
Bà Mai Hương Nội	Thành viên
Ông Marc Villiers Townsend	Thành viên
Ông Joseph Raymond Gagnon	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thế Anh	Trưởng ban
Ông Đinh Ngọc Lân	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Vân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Vân Trinh	Thành viên
Bà Hoàng Thúy Mai	Thành viên

Từ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Dương Thị Mai Hoa	Tổng Giám đốc
Bà Mai Hương Nội	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Khương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Diệu Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Tuyết Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dịu	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Dương Thị Mai Hoa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.


Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có được thông tin tổng thể đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Ban Giám đốc: 



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60729565/17685118

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 98, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng liệu có trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 30 tháng 3 năm 2016 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Quốc Anh
Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2584-2013-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		24.238.821.543.284	20.092.207.677.020
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.071.293.410.389	1.314.658.214.340
111	1. Tiền		571.293.410.389	935.266.714.359
112	2. Các khoản tương đương tiền		500.000.000.000	379.391.499.981
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	2.142.032.490.611	688.066.375.511
121	1. Chứng khoán kinh doanh		32.369.112.000	105.781.413.500
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(14.958.000.000)	(31.336.416.600)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.124.621.378.611	613.621.378.611
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		16.585.572.752.923	13.787.499.177.821
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	288.691.127.787	515.249.760.099
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	132.228.960.187	114.366.565.557
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	12.496.760.202.648	10.095.161.190.581
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	3.769.416.074.671	3.131.713.514.435
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 9, 10	(101.523.612.370)	(68.991.852.851)
140	IV. Hàng tồn kho		730.548.865.044	22.158.842.184
141	1. Hàng tồn kho	11	730.548.865.044	25.847.478.548
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(3.688.636.364)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.709.374.024.318	4.279.825.067.164
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	13.394.986.624	26.227.092.547
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	35.767.944.966	3.274.991.133
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	2.923.154.643	3.284.386.992
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	13	3.657.287.938.085	4.247.038.596.492

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		54.082.083.973.728	40.784.821.808.845
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		11.135.844.306.667	8.091.078.206.667
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	11.135.841.666.667	8.091.074.666.667
216	2. Phải thu dài hạn khác		2.640.000	3.540.000
220	II. Tài sản cố định		214.091.787.205	104.324.220.093
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	194.042.685.459	102.014.347.170
222	Nguyên giá		253.059.710.605	139.031.470.716
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(59.017.025.146)	(37.017.123.546)
227	2. Tài sản cố định vô hình		20.049.101.746	2.309.872.923
228	Nguyên giá		35.150.011.380	12.983.112.859
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.100.909.634)	(10.673.239.936)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	82.735.895.923	84.659.986.526
231	1. Nguyên giá		87.706.085.875	87.706.085.875
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(4.970.189.952)	(3.046.099.349)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	17	2.805.541.943.577	323.868.622.522
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.805.541.943.577	323.868.622.522
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	18	38.275.539.416.775	29.504.213.677.394
251	1. Đầu tư vào công ty con		34.479.034.583.248	28.244.446.859.212
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.482.214.318.182	695.681.818.182
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.314.290.515.345	564.085.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.568.330.623.581	2.676.677.095.643
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	67.515.682.870	76.677.095.643
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		814.940.711	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	13	1.500.000.000.000	2.600.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		78.320.905.517.012	60.877.029.485.865

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		41.069.956.307.067	27.687.931.788.167
310	I. Nợ ngắn hạn		20.129.324.462.838	8.483.803.086.673
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	136.288.096.579	46.074.302.187
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		28.358.671.265	7.908.840.017
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	9.352.323.347	249.838.425.237
314	4. Phải trả người lao động		14.600.225.362	13.034.839.193
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	764.864.295.381	566.089.686.086
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		26.643.140.907	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	5.047.407.477.029	1.573.363.101.316
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23.1	14.101.810.232.968	6.027.493.892.637
330	II. Nợ dài hạn		20.940.631.844.229	19.204.128.701.494
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	2.438.679.366
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.2	18.558.230.083.647	15.859.405.931.214
339	3. Trái phiếu chuyển đổi	24	2.382.401.760.582	3.342.284.090.914
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		37.250.949.209.945	33.189.097.697.698
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	37.250.949.209.945	33.189.097.697.698
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		18.681.880.870.000	14.545.550.980.000
411a	- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết		18.681.880.870.000	14.545.550.980.000
411b	- Cổ phần ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.279.282.355.762	16.568.774.634.832
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		26.000.000.000	21.000.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.263.785.984.183	2.053.772.082.866
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		6.467.923.866	32.769.028.090
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.257.318.060.317	2.021.003.054.776
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		78.320.905.517.012	60.877.029.485.865

Ngô Thị Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	976.176.934.312	626.110.242.855
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	976.176.934.312	626.110.242.855
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	27	(680.168.013.669)	(521.644.353.308)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		296.008.920.643	104.465.889.547
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	6.130.396.091.173	4.879.579.310.242
22	7. Chi phí tài chính	28	(3.138.965.332.358)	(2.649.894.654.766)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.337.511.844.307)	(2.205.286.657.388)
25	8. Chi phí bán hàng		(6.781.066.408)	(5.685.370.421)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(292.956.499.757)	(352.872.458.647)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.987.702.113.293	1.975.592.715.955
31	11. Thu nhập khác		7.239.342.958	13.703.530.913
32	12. Chi phí khác		(10.692.386.094)	(4.173.184.618)
40	13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác		(3.453.043.136)	9.530.346.295

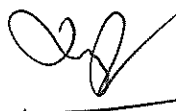
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.984.249.070.157	1.985.123.062.250
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(6.410.849.551)	-
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		814.940.711	35.879.992.526
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.978.653.161.317	2.021.003.054.776



Ngô Thị Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		2.984.249.070.157	1.985.123.062.250
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		32.696.324.498	18.062.912.981
03	Các khoản dự phòng		16.153.342.918	25.336.772.407
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	28	362.536.155.833	148.811.381.912
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	32	(6.103.340.162.991)	(4.783.225.203.280)
06	Chi phí lãi vay	28	2.643.993.985.025	2.404.947.198.098
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(63.711.284.560)	(200.943.875.632)
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		819.292.994.755	(47.759.198.225)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(708.390.022.860)	56.770.931.674
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.715.963.156.888	364.488.322.332
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		18.728.068.880	(192.485.850.387)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		112.322.695.000	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.109.726.467.240)	(1.661.632.581.540)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.2	(6.049.617.202)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(125.250.535)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(221.570.476.339)	(1.681.687.502.313)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	32	(3.386.260.534.939)	(57.441.532.768)
22	Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		95.458.333	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(30.902.159.877.479)	(17.461.823.015.255)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		23.704.297.552.386	11.299.930.905.298
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	32	(18.819.653.168.181)	(10.877.956.731.244)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	32	15.115.624.780.095	4.314.405.882.222
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.078.569.992.922	1.146.446.937.771
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(10.209.485.796.863)	(11.636.437.553.976)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay và nợ trái phiếu		34.263.738.869.090	25.704.535.236.395
34	Tiền trả nợ gốc vay và nợ trái phiếu		(24.076.050.742.954)	(9.840.571.133.333)
36	Cổ tức đã trả		-	(1.997.465.521.943)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		10.187.688.126.136	13.866.498.581.119
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(243.368.147.066)	548.373.524.830
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.314.658.214.340	766.283.831.400
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.343.115	858.110
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	1.071.293.410.389	1.314.658.214.340

Ngô Thị Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi, với lần gần nhất là lần thứ 60 được cấp ngày 18 tháng 3 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động phát triển và chuyển nhượng bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện dự án. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty là từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 482 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 532).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 75 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này được trình bày chi tiết tại Phụ lục 1.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 18.2.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Phụ lục số 1 và Thuyết minh số 18.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cần lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 30 tháng 3 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp như trình bày dưới đây:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng này như đã trình bày tại Thuyết minh số 34.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Bất động sản để bán

Bất động sản, quyền sử dụng đất được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, và các chi phí phát triển đất;
- ▶ Chi phí xây dựng phải trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và các chi phí chung được phân bổ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	38 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó. Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa 45 năm

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn được cấp cho Công ty nhằm mục đích phát triển các bất động sản đầu tư, các quyền sử dụng đất có thời hạn đó được trích khấu hao trong suốt thời hạn được cấp phép.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất dài hạn trả trước, lợi thế thương mại, và các chi phí trả trước khác phát sinh mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian hơn một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà thầu xây dựng hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày của bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và ghi nhận là quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác định.

Phí thương hiệu

Doanh thu phí thương hiệu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều khoản của hợp đồng phí thương hiệu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Trái phiếu chuyển đổi

Các khoản trái phiếu chuyển đổi mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng. Các khoản trái phiếu chuyển đổi mà không thể xác định được chắc chắn số lượng cổ phiếu phổ thông có thể được chuyển đổi được phân loại là nợ phải trả tài chính.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

14
HI
CƠ
NH
T
T
H
M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	157.631.730	216.302.539
Tiền gửi ngân hàng	571.135.778.659	935.050.411.820
Các khoản tương đương tiền	500.000.000.000	379.391.499.981
TỔNG CỘNG	<u>1.071.293.410.389</u>	<u>1.314.658.214.340</u>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại ngân hàng với lãi suất 4,3%/năm và có thời hạn 35 ngày.

Chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ tính theo nguyên tệ:

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ	7.199	2.959
- Euro	84	95

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm (trình bày lại)		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc		
- Cổ phiếu Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	32.369.112.000	17.411.112.000	(14.958.000.000)	32.369.112.000	18.428.256.000	(13.940.856.000)
- Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	73.412.301.500	56.016.740.900	(17.395.560.600)
TỔNG CỘNG	32.369.112.000	17.411.112.000	(14.958.000.000)	105.781.413.500	74.444.996.900	(31.336.416.600)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm (trình bày lại)		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
- Các khoản tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi (i)	1.627.000.000.000	1.627.000.000.000	1.627.000.000.000	116.000.000.000	116.000.000.000
- Các khoản tiền gửi dài hạn đến hạn phải thu hồi (ii) (Thuyết minh số 18)	497.621.378.611	497.621.378.611	497.621.378.611	497.621.378.611	497.621.378.611
TỔNG CỘNG	2.124.621.378.611	2.124.621.378.611	2.124.621.378.611	613.621.378.611	613.621.378.611
(i) Các khoản tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm với lãi suất từ 5,2%/năm đến 7,3%/năm.					
(ii) Các khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có kỳ hạn gốc từ 19 tháng đến 25 tháng, kỳ hạn còn lại là 1 tháng và hưởng lãi suất 7,8%/năm.					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Phải thu từ chuyển nhượng bất động sản	4.758.036.054	43.776.143.151
Phải thu từ cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ liên quan	16.117.468.318	35.325.134.031
Phải thu phí dịch vụ quản lý công ty con	267.815.623.415	436.148.482.917
TỔNG CỘNG	<u>288.691.127.787</u>	<u>515.249.760.099</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng</i>	<i>14.111.248.557</i>	<i>23.515.872.944</i>
<i>Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>274.579.879.230</i>	<i>491.733.887.155</i>
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.944.255.910)	(4.317.450.396)
Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng chiếm trên 10% tổng phải thu		
<i>Phải thu phí quản lý từ Công ty Hoàng Gia</i>	<i>199.615.260.788</i>	<i>55.570.894.844</i>
<i>Phải thu phí quản lý từ Công ty Vincom Retail</i>	<i>32.158.153.923</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu phí quản lý từ Công ty Sài Đồng</i>	<i>12.053.250</i>	<i>120.213.363.203</i>
<i>Phải thu phí quản lý từ Công ty Nam Hà Nội</i>	<i>-</i>	<i>145.596.886.833</i>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu bao gồm các khoản trả trước cho các nhà cung cấp, đơn vị đền bù giải phóng mặt bằng, nhà thầu thi công và các đơn vị tư vấn tham gia vào các Dự án bất động sản của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. NỢ XẤU

Nợ xấu của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải thu thương mại, phải thu gốc và lãi cho vay các khách hàng đã quá hạn thanh toán, lãi phải thu của khoản nợ khó đòi mà không được ghi nhận doanh thu:

Đơn vị tính: VND

<i>Đối tượng nợ</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
<i>Một khách thuê trung tâm thương mại</i>				
Phải thu về gốc vay	82.578.564.022	17.844.590.574	82.578.564.023	36.669.962.923
Phải thu về lãi vay	46.817.382.149	14.971.999.137	46.817.382.146	28.051.580.791
Lãi vay chưa ghi nhận	17.569.916.108	-	-	-
<i>Các đối tượng khác</i>				
Phải thu khách hàng	4.944.255.910	-	4.317.450.396	-
Tổng cộng	151.910.118.189	32.816.589.711	133.713.396.565	64.721.543.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại)</i>
Ngắn hạn		
Các khoản cho vay đến hạn thu hồi (i)	987.111.564.022	82.578.564.022
Các khoản cho vay khác	83.077.886.534	64.292.886.000
Các khoản cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	<u>11.426.570.752.092</u>	<u>9.948.289.740.559</u>
	<u>12.496.760.202.648</u>	<u>10.095.161.190.581</u>
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(64.733.973.448)	(45.908.601.100)
<i>Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn chiếm trên 10% tổng phải thu về cho vay:</i>		
<i>Công ty Nam Hà Nội</i>	<i>3.740.000.000.000</i>	<i>1.566.593.982.774</i>
<i>Công ty Tân Liên Phát</i>	<i>1.834.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Hoàng Gia</i>	<i>1.000.000.000.000</i>	<i>2.934.454.548.946</i>
<i>Công ty Vinpearl Nha Trang</i>	<i>-</i>	<i>1.218.328.273.648</i>
<i>Công ty M.Y.M</i>	<i>-</i>	<i>1.010.500.000.000</i>
Dài hạn		
Các khoản cho vay các cá nhân	-	904.533.000.000
Các khoản cho vay đối tác doanh nghiệp	55.000.000.000	-
Các khoản cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	<u>11.080.841.666.667</u>	<u>7.186.541.666.667</u>
	<u>11.135.841.666.667</u>	<u>8.091.074.666.667</u>
<i>Chi tiết các khoản phải thu về cho vay dài hạn chiếm trên 10% tổng phải thu về cho vay:</i>		
<i>Công ty Vincom Retail</i>	<i>8.908.541.666.667</i>	<i>5.586.541.666.667</i>
<i>Công ty Vincom Retail Miền Bắc</i>	<i>1.600.000.000.000</i>	<i>1.600.000.000.000</i>

(i) Khoản này bao gồm:

- Các khoản cho các cá nhân vay với số tiền 904 tỷ VND để mua cổ phần một công ty liên kết. Các khoản cho vay này có thời hạn là 3 năm tính từ ngày 25 tháng 7 năm 2013 và hưởng lãi suất được xác định dựa trên lãi suất huy động vốn trung bình của Tập đoàn. Các khoản cho vay này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần của Công ty liên kết này do các cá nhân nêu trên nhận chuyển nhượng; và
- Một khoản cho một khách thuê trung tâm thương mại vay với số tiền là 82,5 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại)</i>
Lãi phải thu từ cho vay và tiền gửi	1.415.355.192.674	624.956.758.554
Phải thu lại khoản đặt cọc cho hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	1.050.000.000.000	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	939.964.899.900	385.546.875.000
Phải thu khác	270.646.983.853	58.806.514.832
Phải thu từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	93.448.998.244	2.062.403.366.049
TỔNG CỘNG	<u>3.769.416.074.671</u>	<u>3.131.713.514.435</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.838.232.575.684</i>	<i>176.355.958.285</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>1.931.183.498.987</i>	<i>2.955.357.556.150</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(31.845.383.012)	(18.765.801.355)

(i) Đây là khoản phải thu tiền đặt cọc 1.050 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp. Khoản tiền này trước đây được đặt cọc cho mục đích phát triển một dự án bất động sản tiềm năng tại thành phố Hà Nội.

11. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là giá trị bất động sản để bán đang trong giai đoạn xây dựng của dự án Vincom Xuân Khánh - Cần Thơ, dự án Vinhomes Hà Tĩnh và dự án Vincom Lý Bôn - Thái Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại)</i>
Ngắn hạn		
Chi phí bản quyền phần mềm	7.325.983.760	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.069.002.864	26.227.092.547
TỔNG CỘNG	13.394.986.624	26.227.092.547
Dài hạn		
Lợi thế thương mại (i)	34.461.802.024	68.923.604.056
Chi phí cung cấp dịch vụ quản lý văn phòng trả trước	26.621.714.568	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.432.166.278	7.753.491.587
TỔNG CỘNG	67.515.682.870	76.677.095.643

(i) Đây là lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại PFV vào Công ty trong năm 2013.

13. TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại)</i>
Ngắn hạn:		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư (i)	3.657.287.938.085	4.233.333.333.335
Tài sản ngắn hạn khác	-	13.705.263.157
TỔNG CỘNG	3.657.287.938.085	4.247.038.596.492
Dài hạn:		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư (ii)	1.500.000.000.000	2.600.000.000.000
TỔNG CỘNG	1.500.000.000.000	2.600.000.000.000

(i) Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho mục đích đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu bao gồm khoản đặt cọc cho các cá nhân để nhận chuyển nhượng cổ phần của một số công ty;

(ii) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoản đặt cọc 1.500 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp để đảm bảo quyền được tham gia hợp tác thực hiện một dự án tiềm năng tại tỉnh Hưng Yên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	45.939.641.000	9.084.021.507	52.825.510.067	31.182.298.142	-	139.031.470.716
Tăng trong năm	-	-	64.746.834.409	58.962.091.144	2.398.382.352	126.107.307.905
Trong đó:						
Mua mới	-	-	64.005.174.991	53.558.434.734	-	117.563.609.725
Tặng khác	-	-	741.659.418	5.403.656.410	2.398.382.352	8.543.698.180
Giảm trong năm	-	(8.545.255.933)	-	(2.441.397.913)	(1.092.414.170)	(12.079.068.016)
Số dư cuối năm	45.939.641.000	538.765.574	117.572.344.476	87.702.991.373	1.305.968.182	253.059.710.605
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	-	922.474.093	1.432.642.051	8.825.162.077	-	11.180.278.221
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	256.056.861	2.515.267.218	15.487.041.059	18.758.758.408	-	37.017.123.546
Tăng trong năm	1.062.154.475	102.542.372	13.499.073.752	13.049.938.382	1.244.628.443	28.958.337.424
Trong đó:						
Khấu hao trong năm	1.062.154.475	102.542.372	13.499.073.752	11.585.151.791	95.641.809	26.344.564.199
Tặng khác	-	-	-	1.464.786.591	1.148.986.634	2.613.773.225
Giảm trong năm	-	(2.147.557.143)	(1.326.621.900)	(2.614.551.741)	(869.705.040)	(6.958.435.824)
Số dư cuối năm	1.318.211.336	470.252.447	27.659.492.911	29.194.145.049	374.923.403	59.017.025.146
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm	45.683.584.139	6.568.754.289	37.338.469.008	12.423.539.734	-	102.014.347.170
Số dư cuối năm	44.621.429.664	68.513.127	89.912.851.565	58.508.846.324	931.044.779	194.042.685.459

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Nhà cửa

Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	87.706.085.875
Tăng trong năm	-
Số dư cuối năm	<u>87.706.085.875</u>
Giá trị hao mòn:	
Số dư đầu năm	3.046.099.349
Tăng trong năm	1.924.090.603
Số dư cuối năm	<u>4.970.189.952</u>
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	<u>84.659.986.526</u>
Số dư cuối năm	<u>82.735.895.923</u>

Bất động sản đầu tư của Công ty là tầng 4A thuộc Tòa nhà Vincom Đồng Khởi tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và số 45A, phố Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Giá trị thị trường bất động sản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Công ty ước tính là 240 tỷ VND dựa trên báo cáo định giá dự thảo cho Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi của một đơn vị định giá độc lập.

16. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 176 tỷ VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 0 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay chung và vay trực tiếp cho mục đích đầu tư các dự án bất động sản của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay chung được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa là 9,41%/năm trên chi phí lũy kế bình quân gia quyền của các dự án bất động sản. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại)</i>
Dự án Vinhomes Riverside 2	1.135.894.144.276	40.801.352.790
Dự án Vincom Xuân Khánh Cần Thơ	631.867.706.667	243.159.240.000
Dự án Vũ Yên	411.639.602.203	-
Dự án Vinhomes Riverside Hải Phòng	309.249.657.518	-
Dự án Vincom Hùng Vương	71.638.460.640	-
Dự án Vincom Lý Bôn - Thái Bình	61.882.078.218	-
Dự án Vinhomes Hà Tĩnh	50.625.915.469	-
Dự án Vincom Yên Bái	46.548.869.440	-
Dự án Vinhomes Hạ Long	34.016.862.606	-
Dự án Vincom Thanh Hóa	12.942.906.625	-
Các dự án khác	39.235.739.915	39.908.029.732
TỔNG CỘNG	<u>2.805.541.943.577</u>	<u>323.868.622.522</u>

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm (trình bày lại)		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
- Đầu tư vào công ty con (i)	34.479.034.583.248	34.479.034.583.248	28.244.446.859.212	28.244.446.859.212	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.482.214.318.182	1.482.214.318.182	695.681.818.182	695.681.818.182	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.314.290.515.345	2.314.290.515.345	564.085.000.000	564.085.000.000	-
TỔNG CỘNG	38.275.539.416.775	38.275.539.416.775	29.504.213.677.394	29.504.213.677.394	-

(i) Theo các điều khoản của Hợp đồng thế chấp vốn góp ký giữa Công ty Vincom Retail, WIP Investments III B.V. ("Warburg Pincus") và Credit Suisse AG, Chi nhánh Singapore ("Credit Suisse") ngày 12 tháng 7 năm 2013 và các sửa đổi sau đó liên quan đến khoản vay chuyển đổi và việc phát hành cổ phần ưu đãi của Công ty Vincom Retail, toàn bộ cổ phần vốn góp của Công ty Vincom Retail trong Công ty Vincom Center Bà Triệu, Công ty Vincom Center Long Biên, Công ty Vincom Center B HCM, Công ty BĐS Hải Phòng và 50% cổ phần vốn góp trong Công ty VMM Times City đang được dùng làm tài sản đảm bảo để bảo lãnh không hủy ngang cho việc Công ty thực hiện các nghĩa vụ của mình theo các văn bản giao dịch và cho việc các Chủ sở hữu (Founders) và Công ty thực hiện các nghĩa vụ của mình liên quan đến quyền chọn bán cho các Chủ sở hữu, theo các thỏa thuận được ký kết với Warburg Pincus và Credit Suisse. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang trong quá trình trao đổi với Warburg Pincus và Credit Suisse để thay thế tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ trên bằng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Vincom Retail trong Công ty Vincom Retail Miền Bắc.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đơn vị (*)	Số cuối năm			Số đầu năm			Tỷ lệ vốn năm giữ	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn năm giữ
		Thuyết minh	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi số	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Giá trị hợp lý			
1	Công ty Nam Hà Nội	(i) (xxii)	187.800.000	5.290.741.538.618	6.009.600.000.000	106.000.000	1.222.636.568.618	5.469.600.000.000	53,00%	
2	Công ty Tân Liên Phát	(ii)	278.375.000	4.948.890.138.887	(***)	278.375.000	4.948.890.138.887	(***)	42,50%	
3	Công ty Hoàng Gia	(iii) (xv)	273.150.000	3.929.484.785.749	(***)	311.550.000	4.481.900.000.000	(***)	97,36%	
4	Công ty Vinpearland	(iv) (xv)	(**)	3.605.384.894.672	-	(**)	3.605.384.894.672	-	100,00%	
5	Công ty Vincom Retail	(v)	295.140.000	2.974.398.834.032	(***)	294.300.000	2.943.000.000.000	(***)	35,73%	
6	Công ty Sài Đồng	(vi)	112.800.300	2.212.943.935.291	3.034.328.070.000	112.800.300	2.212.943.935.291	6.125.056.290.000	94,00%	
7	Công ty Xavinco	(vii)	190.875.000	2.071.029.000.000	(***)	190.875.000	2.071.029.000.000	(***)	95,44%	
8	Công ty Mễ Trì	(viii)	56.019.514	1.810.830.790.050	(***)	-	-	(***)	-	
9	Công ty Thời Đại	(ix) (x)	(**)	1.561.000.000.000	-	(**)	1.561.000.000.000	-	100,00%	
10	Công ty Triển lãm Việt Nam	(x)	138.810.945	1.395.329.678.450	2.679.051.238.500	-	-	-	83,32%	
11	Công ty Vinpro	(xi) (x)	(**)	940.000.000.000	-	-	-	-	94,00%	
12	Công ty Ngôi Sao Phương Nam	(xii)	53.400.000	724.190.080.000	(***)	-	-	-	89,00%	
13	Công ty Vincom	(xiii) (x)	(**)	577.500.000.000	-	(**)	318.144.043.467	-	55,00%	
14	Công ty Vineco	(xiv) (x)	(**)	493.600.000.000	-	-	-	-	70,00%	
15	Công ty Vinlinks	(xv)	3.236.212	347.116.186.600	(***)	-	-	-	79,96%	
16	Công ty Vinhomes 1	(xvi)	(**)	300.000.000.000	-	(**)	300.000.000.000	-	100,00%	
17	Công ty Xây dựng Vincom 1	(xvii) (x)	(**)	220.000.000.000	-	(**)	120.000.000.000	-	100,00%	
18	Công ty BFF	(xviii) (x)	(**)	198.000.000.000	-	(**)	198.000.000.000	-	86,09%	
19	Công ty Vinaconex-Vietel	(xix) (ii)	15.000.000	180.000.000.000	(***)	-	-	-	5,00%	
20	Công ty Hoa Mai	(xx) (xvii)	(**)	170.770.000.000	-	(**)	55.800.000.000	-	74,00%	
21	Công ty Xây dựng Vincom 2	(xxi) (x)	(**)	156.100.000.000	-	(**)	94.000.000.000	-	94,00%	
22	Công ty Siêu Tốc	(xxii) (xviii)	14.805.000	148.050.000.000	(***)	-	-	-	94,00%	
23	Công ty Vinschool	(xxiii) (x)	(**)	100.000.000.000	-	(**)	5.000.000.000	-	100,00%	
24	Công ty Xây dựng Vincom 3	(xxiv) (x)	(**)	33.810.000.000	-	(**)	3.810.000.000	-	94,00%	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đơn vị (*)	Thuyết minh	Số cuối năm			Số đầu năm			Tỷ lệ vốn nắm giữ	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn nắm giữ
			Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Giá trị hợp lý			
25	Công ty Quản lý BĐS Vinhomes	(x) (xvi)	(**)	31.000.000.000	-	-	-	100,00%	-	100,00%	
26	Công ty VinAcademy	(ix) (x)	(**)	28.500.000.000	-	-	-	94,00%	-	-	
27	Công ty Xây dựng Vincom 7	(ix) (x)	(**)	17.000.000.000	-	-	-	94,00%	-	-	
28	Công ty Vinhomes 2	(x)	(**)	5.640.000.000	-	-	-	94,00%	-	94,00%	
29	Công ty Xây dựng Vincom 6	(ix) (x) (xxvii)	(**)	2.100.000.000	-	-	-	94,00%	-	-	
30	Công ty Bảo vệ Vincom	(x) (xxvii)	(**)	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	100,00%	-	100,00%	
31	Công ty Vinlandscape	(ix) (x)	(**)	1.789.720.899	-	-	1.637.634.948	100,00%	-	100,00%	
32	Công ty Marketing VME	(ix) (x) (xxvii)	(**)	1.100.000.000	-	-	-	94,00%	-	-	
33	Công ty Tây Tăng Long	(xxvii)	-	635.000.000	-	-	635.000.000	10,00%	-	10,00%	
34	Công ty Hà Thánh	(ix) (x)	(**)	100.000.000	-	-	100.000.000	100,00%	-	100,00%	
35	Công ty Vinpearl	(xv)	-	-	-	-	78.200.000	-	-	19,00%	
36	Công ty Khánh Gia	(xv)	-	-	-	-	783.712.093.800	-	-	94,00%	
37	Công ty Siêu thị VinMart	(x) (xv) (xx) (xxvi)	-	-	-	-	-	-	-	-	
38	Công ty BĐS Hồ Tây	(xxi)	-	-	-	-	560.000.000.000	-	-	70,00%	
39	Công ty M.Y.M	(x) (xxiii)	-	-	-	-	52.500.000.000	-	-	70,00%	
40	Công ty BĐS Viettronics	(xv)	-	-	-	-	14.000.000.000	-	-	70,00%	
41	Công ty Vincom Office	(x) (xv)	-	-	-	-	4.071.428.572	-	-	1,00%	
42	Công ty Xây dựng Vinmart	(xv)	-	-	-	-	3.468.529.629	-	-	100,00%	
43	Công ty VinDS	(x) (xxiv)	(**)	-	-	-	2.045.000.000	-	-	94,00%	
44	Công ty Xây dựng Vincom 5	(x) (xv)	(**)	-	-	-	-	-	-	-	
45	Công ty Xây dựng Vincom 4	(x) (xv)	(**)	-	-	-	-	-	-	-	
46	Công ty Ánh Sao	(xxv)	(**)	-	-	-	-	-	-	-	
				34.479.034.583.248			28.244.446.859.212				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(*) *Thông tin chi tiết của các công ty con được trình bày tại Phụ lục 1.*

(**) *Đây là các công ty trách nhiệm hữu hạn.*

(***) *Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa xác định được tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*

(i) Trong tháng 10 và tháng 12 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 40,9% cổ phần của Công ty Nam Hà Nội, công ty con, từ Công ty Sài Đồng, một công ty con khác trong cùng Tập đoàn và các cổ đông khác và qua đó tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Nam Hà Nội thành 93,9%.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, thông qua Công ty Tân Liên Phát và các công ty con của công ty này, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:

- ✧ Công ty Hoa Hướng Dương;
- ✧ Công ty Vinaconex-Viettel;
- ✧ Công ty Siêu thị Đại Dương; và
- ✧ Công ty Buôn Ma Thuật.

(iii) Vào ngày 5 tháng 10 năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng 12% phần vốn góp trong Công ty Hoàng Gia, công ty con, cho Công ty Vinschool, một công ty con khác trong cùng Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, thông qua Công ty Hoàng Gia, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Metropolis Hà Nội.

(iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, thông qua Công ty Vincom Retail, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:

- ✧ Công ty Vincom Retail Miền Bắc;
- ✧ Công ty Vincom Retail Miền Nam;
- ✧ Công ty Metropolis;
- ✧ Công ty Riverview Đà Nẵng;
- ✧ Công ty Suối Hoa;
- ✧ Công ty Vin Tây;
- ✧ Công ty Trung tâm Văn hóa Thể thao Giải trí Hà Nội;
- ✧ Công ty Ngôi sao Xanh; và
- ✧ Công ty An Phong.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (v) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, thông qua Công ty Sài Đồng, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:
- ✦ Công ty ISADO; và
 - ✦ Công ty Hồng Ngân.
- (vi) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, thông qua Công ty Xavinco, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Xalivico.
- (vii) Vào ngày 1 tháng 12 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng 67,17% cổ phần của Công ty Mỹ Trì từ các cá nhân.
- (viii) Vào ngày 6 tháng 5 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua 89,42% cổ phần của Công ty Triển lãm Việt Nam từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Hội Chợ Triển lãm Việt Nam. Trong tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 6,1% cổ phần của Công ty Triển lãm Việt Nam cho các cổ đông bên ngoài Tập đoàn.
- (ix) Trong năm, công ty đã tham gia góp vốn thành lập các công ty con dưới đây:
- ✦ Công ty Vinpro được thành lập vào ngày 5 tháng 1 năm 2015 với vốn điều lệ là 1.000 tỷ VND, trong đó số vốn góp của Công ty trong công ty con này chiếm 94%.
 - ✦ Công ty VinEco được thành lập vào ngày 17 tháng 4 năm 2015 với vốn điều lệ là 2.000 tỷ VND, trong đó số vốn góp của Công ty trong công ty con này chiếm 70%.
 - ✦ Công ty VinAcademy được thành lập vào ngày 30 tháng 3 năm 2015 với vốn điều lệ là 50 tỷ VND, trong đó số vốn góp của Công ty trong công ty con này chiếm 94%.
 - ✦ Công ty Xây dựng Vincom 7 được thành lập vào ngày 17 tháng 3 năm 2015 với vốn điều lệ là 50 tỷ VND, trong đó số vốn góp của Công ty trong công ty con này chiếm 94%.
 - ✦ Công ty Xây dựng Vincom 6 được thành lập vào ngày 17 tháng 3 năm 2015 với vốn điều lệ là 50 tỷ VND, trong đó số vốn góp của Công ty trong công ty con này chiếm 94%.
 - ✦ Công ty Marketing VME được thành lập vào ngày 2 tháng 2 năm 2015 với vốn điều lệ là 6 tỷ VND, trong đó số vốn góp của Công ty trong công ty con này chiếm 94%.
- (x) Trong năm, Công ty đã góp thêm vốn vào các công ty con này.
- (xi) Theo Nghị quyết số 59/2015/NQ-HĐQT-VINGROUP ngày 13 tháng 10 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định tham gia góp vốn thành lập Công ty Ngôi sao Phương Nam với số vốn điều lệ 600 tỷ VND, trong đó Công ty góp 414 tỷ VND, tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 69%. Vào ngày 8 tháng 12 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng 20% cổ phần Công ty Ngôi Sao Phương Nam từ một cá nhân và qua đó tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Ngôi sao Phương Nam thành 89%.
- (xii) Vào ngày 11 tháng 3 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 15% phần vốn góp trong Công ty Vincom cho một số cá nhân và qua đó giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty con này xuống còn 55%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (xiii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, thông qua Công ty VinEco, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:
- ☛ Công ty VinEco Tam Đảo;
 - ☛ Công ty VinEco Đồng Nai;
- (xiv) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua 80% cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hợp Nhất từ một cá nhân. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hợp Nhất sau đó được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vinlinks. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, thông qua Công ty Vinlinks, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Hợp nhất Thương mại.
- (xv) Trong năm, Tập đoàn đã thực hiện các giao dịch sáp nhập sau:
- ☛ Công ty Chuyển phát nhanh Hợp nhất được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Vinlinks;
 - ☛ Công ty Xây dựng Vinmart được sáp nhập vào Công ty Xây dựng Vincom 1;
 - ☛ Công ty Xây dựng Vincom 4 và Công ty Xây dựng Vincom 5 được sáp nhập vào Công ty Xây dựng Vincom 2;
 - ☛ Công ty Khánh Gia được sáp nhập vào Công ty Vincom Center Thủ Đức, sau đó Công ty Vincom Center Thủ Đức được sáp nhập vào Công ty Vincom Center B HCM, và Công ty Vincom Center B HCM được đổi tên thành Công ty Vincom Retail Miền Nam;
 - ☛ Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt may Việt Nam được sáp nhập vào Công ty Siêu thị Vinmart sau khi Công ty Siêu thị Vinmart nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của công ty này;
 - ☛ Công ty BĐS Viettronics và Công ty Vincom Office được sáp nhập vào Công ty Vincom Retail;
 - ☛ Công ty VinGS được sáp nhập vào Công ty Hoàng Gia;
 - ☛ Công ty Vincom Center Long Biên được sáp nhập vào Công ty Vincom Center Bà Triệu; và
 - ☛ Công ty Vincom Center Bà Triệu, Công ty VMM Times City, Công ty Vincom Center Hải Phòng, Công ty Vincom Center Hạ Long được sáp nhập vào Công ty VMM Royal City, và sau đó Công ty VMM Royal City được đổi tên thành Công ty Vincom Retail Miền Bắc.
- (xvi) Theo Quyết định số 440/2014/CV-TGD-VINGROUP ngày 30 tháng 12 năm 2014, Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes được tách thành 3 công ty là Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Vinhomes, Công ty TNHH Cho thuê Bất động sản Vinhomes (các công ty được tách), và Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes (công ty bị tách). Vào ngày 5 tháng 1 năm 2015, Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes được đổi tên thành Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes 1. Sau đó, ngày 1 tháng 6 năm 2015, Công ty cho thuê Bất động sản Vinhomes được sáp nhập vào Công ty Quản lý Bất động sản Vinhomes.
- (xvii) Theo Nghị quyết số 65/2015/NQ-HĐQT-VINGROUP ngày 11 tháng 11 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Dịch vụ Hoa Mai ("Công ty Hoa Mai") với số vốn điều lệ 230,77 tỷ VND, trong đó Công ty góp 170,77 tỷ VND, tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 74%.
- (xviii) Vào ngày 11 tháng 3 năm 2015, Công ty đã nhận chuyển nhượng 94% cổ phần của Công ty Siêu Tốc từ một số cá nhân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(xix) Ngày 8 tháng 5 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 19,45% cổ phần của Công ty Vinpearl cho Công ty Tân Liên Phát. Tuy nhiên, Công ty vẫn gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Vinpearl thông qua các công ty con khác trong cùng Tập đoàn, từ đó, Công ty cũng nắm gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau của Công ty Vinpearl:

- ☛ Công ty Hòn Một;
- ☛ Công ty Vinpearl Nha Trang;
- ☛ Công ty Vinpearl Đà Nẵng;
- ☛ Công ty Vinpearl Hội An;
- ☛ Công ty Tây Hồ View;
- ☛ Công ty FPI;
- ☛ Công ty Tây Tăng Long;
- ☛ Công ty Vinpearl Bãi Dài;
- ☛ Công ty Cam Ranh;
- ☛ Công ty Hòn Tre;
- ☛ Công ty Vinpearl Hạ Long;
- ☛ Công ty Vinpearl Quy Nhơn;
- ☛ Công ty Du lịch Phú Quốc;
- ☛ Công ty Vinpearl Phú Quốc;
- ☛ Công ty Vincharm SPA;
- ☛ Công ty Quản lý Khách sạn Vinpearl; và
- ☛ Công ty Quản lý Sân golf Vinpearl.

(xx) Theo Quyết định số 275/2015/NQ-ĐHĐCĐ-VINMART JSC ngày 21 tháng 10 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty Siêu thị Vinmart, Công ty Siêu thị Vinmart được tách thành 2 công ty là Công ty Siêu thị Vinmart và Công ty Vinmart+. Vào ngày 7 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ trong Công ty Siêu thị Vinmart và Công ty Vinmart+ cho Công ty Tân Liên Phát.

(xxi) Ngày 8 tháng 5 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hồ Tây ("Công ty BĐS Hồ Tây") đã thông qua quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty BĐS Hồ Tây từ 75 tỷ VND lên 200 tỷ VND. Do Công ty từ chối mua toàn bộ cổ phần được quyền mua thêm, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty BĐS Hồ Tây giảm từ 70% xuống còn 26,25% và theo đó, Công ty BĐS Hồ Tây trở thành công ty liên kết của Công ty. Ngày 30 tháng 12 năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần trong công ty BĐS Hồ Tây cho một đối tác doanh nghiệp với giá chuyển nhượng là 52,5 tỷ VND.

(xxii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, thông qua Công ty Nam Hà Nội, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:

- ☛ Công ty Vinmec;
- ☛ Công ty Đồng Phú Hưng – Bình Thuận; và
- ☛ Công ty VinDS

(xxiii) Vào ngày 3 tháng 12 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 31% cổ phần của Công ty M.Y.M (tên trước đây là Công ty Cổ phần Vinfashion) cho các cá nhân. Tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty M.Y.M giảm từ 70% xuống còn 39% và theo đó Công ty M.Y.M đã trở thành công ty liên kết của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(xxiv) Vào ngày 4 tháng 12 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty VinDS, một công ty con, cho Công ty Nam Hà Nội, một công ty con khác trong cùng Tập đoàn.

(xxv) Vào ngày 13 tháng 5 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua 94% cổ phần của Công ty Ánh Sao từ các cá nhân.

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2015, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ tỷ lệ sở hữu trong công ty Ánh Sao cho một đối tác doanh nghiệp.

(xxvi) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2015, Công ty Siêu thị Vinmart được đổi tên thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce ("Công ty Vincommerce").

(xxvii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các công ty này đang trong quá trình tiến hành các thủ tục giải thể.

18.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Thành phố Xanh	663.181.818.182	663.181.818.182
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long ("Công ty BĐS Thăng Long") (i)	167.500.000.000	17.500.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ngoại thương (ii)	15.300.000.000	9.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông ("Công ty Ngọc Viễn Đông") (ii)	519.232.500.000	6.000.000.000
Công ty M.Y.M (Thuyết minh số 18.1)	117.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.482.214.318.182	695.681.818.182

(i) Trong năm, Công ty đã thanh toán cho cổ đông hiện hữu của Công ty BĐS Thăng Long theo các hợp đồng và phụ lục được ký kết;

(ii) Trong năm, Công ty đã góp thêm vốn vào các công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Thành phố Xanh	49,10	46,75	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
2	Công ty BĐS Thăng Long	35,00	35,00	Số 13, phố Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Bê tông Ngoại thương	30,00	30,00	223 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 10, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, bán buôn sản phẩm bê tông
4	Công ty Ngọc Viễn Đông	45,00	45,00	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản
5	Công ty M.Y.M	39,00	39,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Sản xuất trang phục Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép

18.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (i)	1.749.495.515.345	-
Tổng Công ty Dệt may Việt Nam	552.395.000.000	551.685.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên	12.400.000.000	12.400.000.000
	2.314.290.515.345	564.085.000.000

- (i) Vào ngày 5 tháng 10 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng 19% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thương mại Thành Phố Hồ Chí Minh từ hai cổ đông của công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào cổ phiếu của các công ty khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau (*):

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Số lượng	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên	400.000	3,87	3,87	12.400.000.000	400.000	3,87	3,87	12.400.000.000
Tổng Công ty Dệt may Việt Nam	50.000.000	10,00	10,00	552.395.000.000	50.000.000	10,00	10,00	551.685.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thương mại Thành Phố Hồ Chí Minh	56.985.344	19,00	19,00	1.749.495.515.345	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	107.385.344			2.314.290.515.345	50.400.000			564.085.000.000

(*) Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa xác định được tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán ngắn hạn khác	51.956.170.767	16.610.817.790
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	84.331.925.812	29.463.484.397
TỔNG CỘNG	136.288.096.579	46.074.302.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm (trình bày lại)</i>	<i>Số phát sinh trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	131.998.082	9.751.138.114	(9.883.136.196)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.280.605.878	(1.280.605.878)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
(Thuyết minh số 30)	-	6.049.617.202	(6.049.617.202)	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.747.824.142	54.433.633.212	(48.109.293.289)	9.072.164.065
Tiền sử dụng đất phải nộp	243.159.240.000	622.189.254.000	(865.348.494.000)	-
Thuế nhà thầu	3.799.363.013	49.809.339.317	(53.328.543.048)	280.159.282
TỔNG CỘNG	249.838.425.237	747.672.543.067	(988.158.644.957)	9.352.323.347
	<i>Số đầu năm (trình bày lại)</i>	<i>Số phát sinh trong năm</i>	<i>Số đã thu trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	3.274.991.133	32.492.953.833	-	35.767.944.966
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.284.386.992	(361.232.349)	-	2.923.154.643
TỔNG CỘNG	6.559.378.125	32.711.523.736	-	38.691.099.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
Lãi trái phiếu và lãi vay phải trả	721.923.032.743	517.857.734.215
Trích trước giá vốn của bất động sản đã chuyển nhượng	17.060.421.530	17.465.480.474
Trích trước chi phí xây dựng	21.113.931.895	22.572.203.838
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.494.457.470	1.561.246.867
Các khoản chi phí phải trả khác	3.272.451.743	6.633.020.692
TỔNG CỘNG	764.864.295.381	566.089.686.086
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả khác</i>	<i>415.083.938.671</i>	<i>311.093.309.518</i>
<i>Chi phí phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>349.780.356.710</i>	<i>254.996.376.568</i>

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
Đặt cọc để mua các khoản đầu tư (i)	2.028.000.000.000	295.000.000.000
Tiền quản lý tập trung phải trả các công ty con	1.293.743.363.509	541.168.077.274
Đặt cọc cho công ty con để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư một dự án bất động sản (Thuyết minh số 31)	810.514.542.712	-
Phải trả tiền tạm ứng cho Công ty con theo Hợp đồng tổng thầu xây dựng nguyên tắc	412.000.000.000	575.000.000.000
Đặt cọc từ khách hàng	384.898.778.987	-
Phải trả ngắn hạn khác	118.250.791.821	162.195.024.042
TỔNG CỘNG	5.047.407.477.029	1.573.363.101.316
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	<i>793.966.681.404</i>	<i>390.318.564.506</i>
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>4.253.440.795.625</i>	<i>1.183.044.536.810</i>

(i) Bao gồm các khoản đặt cọc của đối tác đầu tư để mua lại các khoản đầu tư của Công ty.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

23.1 Vay ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị (trình bày lại)	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 31)	5.328.440.690.173	5.328.440.690.173	46.593.240.023.435	(37.819.870.480.640)	14.101.810.232.968	14.101.810.232.968	
Nợ dài hạn đến hạn trả	699.053.202.464	699.053.202.464	1.002.600.000.000	(1.701.653.202.464)	-	-	
TỔNG CỘNG	6.027.493.892.637	6.027.493.892.637	47.595.840.023.435	(39.521.523.683.104)	14.101.810.232.968	14.101.810.232.968	

23.2 Vay dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị (trình bày lại)	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Trái phiếu phát hành trong nước (i)	6.927.813.591.367	6.927.813.591.367	4.852.408.341.699	(72.165.166.660)	11.708.056.766.406	11.708.056.766.406	
Trái phiếu quốc tế (ii)	4.045.070.854.083	4.045.070.854.083	294.610.096.219	-	4.339.680.950.302	4.339.680.950.302	
Vay hợp vốn quốc tế (iii)	3.106.903.122.062	3.106.903.122.062	99.346.877.938	(3.206.250.000.000)	-	-	
Trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23.1)	(699.053.202.464)	(699.053.202.464)	(1.002.600.000.000)	1.701.653.202.464	-	-	
Vay từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	2.478.671.566.166	2.478.671.566.166	31.820.800.773	-	2.510.492.366.939	2.510.492.366.939	
TỔNG CỘNG	15.859.405.931.214	15.859.405.931.214	4.275.586.116.629	(1.576.761.964.196)	18.558.230.083.647	18.558.230.083.647	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

(i) Trái phiếu phát hành trong nước

- ▶ Loại trái phiếu thứ nhất có giá trị theo mệnh giá là 4.000 tỷ VND được phát hành vào ngày 11 tháng 2 năm 2014 và có kỳ hạn 5 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm và được điều chỉnh trong các kỳ tính lãi tiếp theo dựa trên lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau, kỳ hạn 6 tháng được công bố bởi Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank, cộng biên độ 4%.

Tài sản đảm bảo cho loại trái phiếu này bao gồm khu Trung tâm thương mại và bãi đậu xe ngầm của Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, cùng với 11.322.000 cổ phiếu của Công ty sở hữu bởi Công ty Vinpearl, công ty con.

- ▶ Loại trái phiếu thứ hai có giá trị theo mệnh giá là 3.000 tỷ VND bao gồm 30.000.000 trái phiếu được phát hành vào ngày 8 tháng 9 năm 2014 và có kỳ hạn 5 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 6 tháng trả sau bằng VND được niêm yết của 4 ngân hàng tham chiếu, bao gồm Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank vào mỗi ngày xác định lãi suất, cộng biên độ 4%.
- ▶ Loại trái phiếu thứ ba có giá trị theo mệnh giá là 800 tỷ VND bao gồm 8.000.000 trái phiếu được phát hành vào ngày 18 tháng 6 năm 2015 và có kỳ hạn 4 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 6 tháng trả sau bằng VND được niêm yết của 4 ngân hàng tham chiếu, bao gồm Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank vào mỗi ngày xác định lãi suất, cộng biên độ 4%.

Tài sản đảm bảo cho loại trái phiếu thứ hai và thứ ba là các tài sản thuộc sở hữu bởi các công ty con, bao gồm bất động sản, động sản và quyền phát sinh từ: (i) Thửa đất số 00 tại Ô CC-1 và CC-2 (Phân khu KT-A) Khu du lịch sinh thái An Viên, phường Vĩnh Nguyên và phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với tổng diện tích là 3.997m²; (ii) thửa đất số 01, tờ bản đồ số 673/2011/TĐ.BĐ, thửa đất số 01 (Khu C, D, E, F, G, H), tờ bản đồ số 1702/2015SĐĐ, thửa đất số 01 (Khu B), tờ bản đồ số 1703/2015SĐĐ tại đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, có tổng diện tích là 1.603.910 m²; (iii) toàn bộ bất động sản gắn liền trên các khu đất thuộc Dự án VAP và dự án khách sạn 5 sao (kể cả các thửa đất thế chấp) ngoại trừ đất thuộc riêng Vinpearl Luxury Nha Trang và khu biệt thự có địa chỉ tại đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; và (iv) tất cả quyền tài sản (ngoại trừ các quyền đối với Vinpearl Luxury Nha Trang và khu biệt thự), và tất cả quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác nhận được hoặc sẽ nhận được để thay thế cho các nghĩa vụ, quyền tài sản nêu trên của các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

(i) Trái phiếu phát hành trong nước (tiếp theo)

▶ Loại trái phiếu thứ tư có giá trị theo mệnh giá là 2.000 tỷ VND được phát hành vào ngày 2 tháng 6 năm 2015 và có kỳ hạn 2 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND được niêm yết của 4 ngân hàng tham chiếu, bao gồm Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank vào mỗi ngày xác định lãi suất (+) 5%. Loại trái phiếu này được bảo lãnh bởi một công ty con.

▶ Loại trái phiếu thứ năm có giá trị theo mệnh giá là 1.000 tỷ VND bao gồm 10.000.000 trái phiếu được phát hành vào ngày 5 tháng 11 năm 2015 và có kỳ hạn 3 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm và được điều chỉnh trong các kỳ tính lãi tiếp theo dựa trên trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố bởi Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank, cộng biên độ 5%.

Khoản trái phiếu này không có tài sản đảm bảo.

▶ Loại trái phiếu thứ sáu có giá trị theo mệnh giá là 1.000 tỷ VND bao gồm 10.000.000 trái phiếu được phát hành vào ngày 25 tháng 11 năm 2015 và có kỳ hạn 2 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm và được điều chỉnh trong các kỳ tính lãi tiếp theo dựa trên trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố bởi Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank, cộng biên độ 4,5%.

Khoản trái phiếu này không có tài sản đảm bảo.

▶ Loại trái phiếu thứ bảy có giá trị theo mệnh giá là 1.000 tỷ VND bao gồm 10.000.000 trái phiếu được phát hành vào ngày 29 tháng 12 năm 2015 và có kỳ hạn 3 năm. Trong năm, khoản trái phiếu này đã giải ngân được 5 tỷ VND. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm và được điều chỉnh trong các kỳ tính lãi tiếp theo dựa trên trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố bởi Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank, cộng biên độ 5%.

Khoản trái phiếu này không có tài sản đảm bảo.

▶ Loại trái phiếu thứ tám có giá trị theo mệnh giá là 1.000 tỷ VND bao gồm 10.000.000 trái phiếu được phát hành vào ngày 30 tháng 12 năm 2015 và có kỳ hạn 2 năm. Trong năm, khoản trái phiếu này đã giải ngân được 5 tỷ VND. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm và được điều chỉnh trong các kỳ tính lãi tiếp theo dựa trên trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố bởi Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank, cộng biên độ 4,5%.

Khoản trái phiếu này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

(ii) Trái phiếu quốc tế

Trái phiếu quốc tế có giá trị theo mệnh giá là 200 triệu đô la Mỹ được phát hành trong tháng 11 năm 2013, với thời hạn 4,5 năm. Trái phiếu này không cần tài sản đảm bảo, có lãi suất cố định là 11,625%/năm, và lãi được trả 2 lần/năm.

(iii) Vay hợp vốn quốc tế

Trong tháng 10 năm 2013, Công ty đã ký kết hợp đồng vay hợp vốn quốc tế với số tiền là 150 triệu đô la Mỹ với mức lãi suất là LIBOR + 5,5%/năm. Việc thanh toán gốc của khoản vay hợp vốn quốc tế này sẽ được chia thành 8 đợt, bắt đầu từ tháng thứ 18 cho đến tháng thứ 36 kể từ ngày giải ngân khoản vay. Trong năm, Công ty đã tắt toán khoản vay này trước hạn.

24. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Trái phiếu chuyển đổi có giá trị là 300 triệu đô la Mỹ được phát hành trong tháng 4 và tháng 7 năm 2012, với thời hạn 5 năm. Trái phiếu này không được đảm bảo và có lãi suất cố định là 5%/năm.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu nêu trên do không thể xác định được chắc chắn số lượng cổ phiếu phổ thông có thể được chuyển đổi, và do đó, đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả tài chính.

Theo điều khoản của trái phiếu chuyển đổi này, các trái chủ có quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo mức giá có thể được điều chỉnh vào ngày 3 tháng 10 hàng năm, bắt đầu từ ngày 3 tháng 10 năm 2012 cho tới ngày 3 tháng 10 năm 2016. Số dư trái phiếu còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 106.300.000 đô la Mỹ.

Đơn vị tính: USD

	Thay đổi trong năm				Số cuối năm
	Số đầu năm	Phát hành thêm	Đã chuyển thành cổ phiếu	Đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu	
Giá trị	163.200.000	-	(56.900.000)	-	106.300.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
Giá trị trái phiếu chuyển đổi ban đầu sau khi trừ đi chi phí phát hành	5.939.186.943.335	5.939.186.943.335
Cơ cấu vốn chủ sở hữu	-	-
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	<u>5.939.186.943.335</u>	<u>5.939.186.943.335</u>
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế chi phí phát hành		
Số đầu năm	162.522.147.579	87.116.756.481
Số phân bổ tăng trong năm	<u>132.515.669.668</u>	<u>75.405.391.098</u>
Số cuối năm	295.037.817.247	162.522.147.579
Trừ: Chuyển đổi lũy kế đến cuối năm	4.048.330.000.000	2.859.120.000.000
Cộng: Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	182.189.341.667	89.583.200.000
Cộng: Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện đến cuối năm	<u>14.317.658.333</u>	<u>10.111.800.000</u>
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm	<u>2.382.401.760.582</u>	<u>3.342.284.090.914</u>

Trong năm, các trái chủ đã chuyển đổi các trái phiếu với tổng mệnh giá là 56.900.000 đô la Mỹ thành 37.269.063 cổ phiếu phổ thông của Công ty theo giá phát hành là 39.000 VND/cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 25 tháng 4 năm 2015 và giá phát hành là 31.000 VND/cổ phiếu cho giai đoạn còn lại. Việc chuyển đổi này làm tăng vốn cổ phần đã phát hành của Công ty thêm 372.690.630.000 VND và tăng thặng dư vốn cổ phần thêm 710.507.720.930 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số trái phiếu còn lại chưa được chuyển đổi có tổng mệnh giá là 106.300.000 đô la Mỹ. Từ ngày 22 tháng 1 tới ngày 25 tháng 2 năm 2016, các trái chủ đã chuyển đổi toàn bộ số trái phiếu này thành cổ phiếu phổ thông của Công ty. Theo đó, 106.300.000 đô la Mỹ trái phiếu chuyển đổi này được chuyển đổi thành 71.666.764 cổ phiếu phổ thông theo giá phát hành là 31.000 VND/cổ phiếu. Việc chuyển đổi này làm tăng vốn cổ phần của Công ty thêm 716.667.640.000 VND (tương ứng với 71.666.764 cổ phiếu phổ thông theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu).

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (trình bày lại)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số dư đầu năm	9.296.036.790.000	13.706.823.617.810	(1.746.271.037.482)	16.000.000.000	6.562.874.420.378	27.835.463.790.706
- Tăng từ chuyển đổi trái phiếu	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ khác	722.201.960.000	2.095.118.040.000	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	2.817.320.000.000
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ để góp vốn vào Công ty Vinpearl	-	696.198.345.518	1.746.271.037.482	-	-	2.442.469.383.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.021.003.054.776	2.021.003.054.776
- Cổ tức công bố trong năm	4.527.312.230.000	-	-	-	(6.525.105.392.288)	(1.997.793.162.288)
- Điều chỉnh liên quan đến thuế thu nhập hoãn lại phải trả từ giao dịch sáp nhập Công ty PFV	-	70.634.631.504	-	-	-	70.634.631.504
Số dư cuối năm	14.545.550.980.000	16.568.774.634.832	-	21.000.000.000	2.053.772.082.866	33.189.097.697.698
Năm nay						
Số dư đầu năm	14.545.550.980.000	16.568.774.634.832	-	21.000.000.000	2.053.772.082.866	33.189.097.697.698
- Tăng từ chuyển đổi trái phiếu (i)	372.690.630.000	710.507.720.930	-	-	-	1.083.198.350.930
- Trích quỹ khác	-	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.978.653.161.317	2.978.653.161.317
- Cổ tức công bố trong năm (ii)	3.763.639.260.000	-	-	-	(3.763.639.260.000)	-
Số dư cuối năm	18.681.880.870.000	17.279.282.355.762	-	26.000.000.000	1.263.785.984.183	37.250.949.209.945

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 24, trong năm các trái chủ đã chuyển đổi 56.900.000 đô la Mỹ trái phiếu thành 37.269.063 cổ phiếu phổ thông của Công ty (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu). Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng thêm 372.690.630.000 VND (tương đương với 37.269.063 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) và thặng dư cổ phần tăng thêm 710.507.720.930 VND, sau khi giảm trừ các chi phí phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(ii) Vào ngày 23 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ-VINGROUP về kế hoạch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1.000:258 (mỗi cổ đông hiện hữu sở hữu 1.000 cổ phiếu được nhận cổ tức bằng 258 cổ phiếu). Theo đó, số lượng cổ phiếu được Công ty phát hành thêm là 376.363.926 cổ phiếu theo Thông báo số S26/2015-VIC/VSD ngày 6 tháng 7 năm 2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

25.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	14.545.550.980.000	9.296.036.790.000
Tăng vốn trong năm	4.136.329.890.000	5.249.514.190.000
Giảm vốn trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>18.681.880.870.000</u>	<u>14.545.550.980.000</u>

25.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	3.763.639.260.000	6.525.105.392.288
Cổ tức trả bằng tiền trên cổ phiếu phổ thông	-	1.997.793.162.288
Cổ tức trả bằng cổ phiếu trên cổ phiếu phổ thông	3.763.639.260.000	4.527.312.230.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả	-	-

25.4 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.868.188.087	1.454.555.098
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.868.188.087	1.454.555.098
Cổ phiếu phổ thông	1.868.188.087	1.454.555.098
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.868.188.087	1.454.555.098
Cổ phiếu phổ thông	1.868.188.087	1.454.555.098
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong năm là 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	976.176.934.312	626.110.242.855
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ liên quan</i>	<i>151.784.567.459</i>	<i>140.837.188.229</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý cho các công ty con</i>	<i>571.695.245.486</i>	<i>432.382.688.690</i>
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>47.680.881.367</i>	<i>52.890.365.936</i>
<i>Doanh thu từ phí thương hiệu</i>	<i>205.016.240.000</i>	<i>-</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	976.176.934.312	626.110.242.855
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>99.071.210.519</i>	<i>133.650.394.619</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>877.105.723.793</i>	<i>492.459.848.236</i>

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi từ các khoản cho vay và tiền gửi	2.880.351.674.195	2.413.488.848.539
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.052.315.703	28.354.106.962
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	3.100.590.725.140	2.361.879.711.450
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư	122.397.763.656	75.856.643.291
Thu nhập tài chính khác	3.612.479	-
TỔNG CỘNG	6.130.396.091.173	4.879.579.310.242

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí cung cấp dịch vụ quản lý cho các công ty con	519.374.122.933	339.597.689.351
Chi phí cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ liên quan	139.749.428.553	132.807.777.340
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	21.044.462.183	49.238.886.617
TỔNG CỘNG	<u>680.168.013.669</u>	<u>521.644.353.308</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	2.337.511.844.307	2.205.286.657.388
Chi phí phát hành trái phiếu và trái phiếu chuyển đổi phân bổ trong năm	306.482.140.718	199.660.540.710
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	362.536.155.833	148.811.381.912
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản cho vay	139.742.466.052	1.972.489.483
Lỗ từ chuyển nhượng khoản đầu tư	(16.349.620.363)	25.260.645.258
Chi phí tài chính khác	9.042.345.811	68.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>3.138.965.332.358</u>	<u>2.649.894.654.766</u>

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
Chi phí hình thành bất động sản trong kỳ	730.548.865.044	49.238.886.617
Chi phí nhân công	374.913.844.985	181.343.890.878
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	32.696.324.502	17.773.735.155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	326.193.476.136	307.372.160.143
Chi phí khác (không bao gồm chi phí tài chính)	223.943.092.027	324.473.509.583
TỔNG CỘNG	<u>1.688.295.602.694</u>	<u>880.202.182.376</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.410.849.551	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(814.940.711)	(35.879.992.526)
TỔNG CỘNG	5.595.908.840	(35.879.992.526)

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.984.249.070.157	1.985.123.062.250
Các điều chỉnh giảm lợi nhuận theo kế toán		
Thu nhập từ cổ tức	(3.100.590.725.140)	(2.361.879.711.450)
Chi phí từ thiện và hỗ trợ	36.867.894.622	261.877.448.037
Chi phí khấu hao ngoài mức quy định của thuế	8.178.588.785	2.238.338.387
Chi phí marketing cho các căn hộ chưa bàn giao	4.074.703.554	-
Các chi phí không được khấu trừ khác	6.750.799.543	5.540.493.412
Lỗ thuần điều chỉnh trước thuế và chưa cần trừ lỗ năm trước	(60.469.668.479)	(107.100.369.364)
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế suất của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	22.675.032.060	-
Lỗ từ các hoạt động khác	(83.144.700.539)	(107.100.369.364)
Điều chỉnh thuế thu nhập hoãn lại do sáp nhập Công ty PFV vào Công ty	-	163.090.875.120
Lỗ năm trước chuyển sang	(15.144.034.570)	(55.990.505.756)
Thu nhập/(lỗ) chịu thuế ước tính trong năm hiện hành sau khi chuyển lỗ và điều chỉnh	7.530.997.490	-
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế suất của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	7.530.997.490	-
Lỗ từ các hoạt động khác	(83.144.700.539)	-
Thuế TNDN phải nộp ước tính trong năm hiện hành	1.656.819.448	-
Thuế TNDN trả thừa đầu năm	(3.284.386.992)	(3.284.386.992)
Chi phí phạt thuế TNDN	4.754.030.103	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(6.049.617.202)	-
Thuế TNDN trả thừa cuối năm (Thuyết minh số 19)	(2.923.154.643)	(3.284.386.992)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản lỗ lũy kế với giá trị là 83.144.700.539 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 15.144.034.570 VND).

Lỗ tính thuế tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

31.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan

► **Giao dịch về mua tài sản và cung cấp dịch vụ quản lý:**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Mua tài sản, dịch vụ phải trả	Thanh toán mua tài sản, dịch vụ	Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý, phí thương hiệu và bán điện nước đã thu	Đơn vị tính: VND
Công ty Sài Đồng	Công ty con	(11.832.959.805)	3.254.367.126	15.365.055.374	(141.919.757.449)
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	-	-	86.878.010.009	(86.878.010.009)
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	(27.341.661)	15.825.238	163.117.402.012	(308.714.288.844)
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	-	-	307.978.686.548	(167.367.320.979)
Công ty Xây dựng Vincom 2	Công ty con	(255.487.287.846)	260.399.109.542	-	-
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	(295.744.076.187)	230.481.490.718	-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bên liên quan	Mối quan hệ	Mua tài sản phải trả	Thanh toán phải trả mua tài sản	Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	-	-	139.960.790.573	(84.389.895.729)
Công ty Sài Đồng	Công ty con	-	-	120.213.363.204	(30.128.019.365)
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	(821.926.241)	821.926.241	102.925.435.086	(24.647.478.721)
Công ty Vinpearl	Công ty con	-	-	84.257.195.638	(47.285.841.181)

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng cổ phần:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Chuyển nhượng cổ phần	Nhận thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần	Nhận chuyển nhượng cổ phần	Thanh toán nhận chuyển nhượng cổ phần	Đơn vị tính: VND
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	210.300.000.000	(632.641.898.952)	(6.000.000.000)	6.000.000.000	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	300.000.000	(1.566.745.467.097)	-	-	
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	3.680.262.726.328	(3.680.288.591.328)	-	-	
Công ty Vinschool	Công ty con	552.960.000.000	(626.033.040.000)	-	-	
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	907.887.877.800	(907.887.877.800)	-	-	

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bên liên quan	Mối quan hệ	Chuyển nhượng cổ phần	Nhận thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần	Nhận chuyển nhượng cổ phần	Thanh toán nhận chuyển nhượng cổ phần	Đơn vị tính: VND
Công ty Vinschool	Công ty con	605.000.000.000	(531.384.000.000)	-	-	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	2.138.539.500.000	(657.100.032.903)	-	-	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	1.508.699.000.000	(1.086.357.101.048)	(6.000.000.000)	6.000.000.000	
Công ty Thời Đại	Công ty con	4.277.079.000.000	(4.277.079.000.000)	-	-	
Công ty Vinpearl	Công ty con	-	-	(648.000.000.000)	623.000.000.000	
Công ty Vincom Retail	Công ty con	229.722.222.222	(229.722.222.222)	-	-	
Công ty Vin GS	Công ty con	85.006.000.000	-	-	-	
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	3.564.232.500.000	(3.564.232.500.000)	-	-	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Giao dịch góp vốn, nhận cổ tức và hợp tác đầu tư:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Góp vốn	Cổ tức được chia	Cổ tức nhận được	Thu hồi tiền đặt cọc/Nhận đặt cọc	Đơn vị tính: VND
Công ty Sài Đồng	Công ty con	-	939.964.899.900	-	-	(3.922.464.194.153)
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	-	-	-	-	(1.733.000.000.000)
Công ty Vincom Retail	Công ty con	-	-	-	-	553.184.989.212
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	-	1.655.109.375.000	2.040.656.250.000	-	-
Công ty Thời đại	Công ty con	-	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-
Công ty Vinpearland	Công ty con	-	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	91.955.000.000	-	-	-	-
Công ty Xây dựng Vincom 2	Công ty con	100.300.000.000	-	-	-	-
Công ty Ánh Sao	Công ty con	72.271.900.000	-	-	-	-
Công ty Ngôi sao Phương Nam	Công ty con	414.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Hoa Mai	Công ty con	170.780.000.000	-	-	-	-
Công ty VinEco	Công ty con	493.600.000.000	-	-	-	-
Công ty Vinschool	Công ty con	95.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Vinpro	Công ty con	940.000.000.000	-	-	-	-

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ **Giao dịch góp vốn, nhận cổ tức và hợp tác đầu tư: (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Góp vốn	Cổ tức được chia	Cổ tức nhận được	Đặt cọc cho hợp đồng hợp tác đầu tư/ đặt cọc mua cổ phần	Thu hồi tiền đặt cọc	Đơn vị tính: VND
Công ty Vinhomes	Công ty con	229.990.000.000	-	-	-	-	
Công ty Vinecom	Công ty con	318.144.043.467	-	-	-	-	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	-	771.093.750.000	(385.546.875.000)	-	-	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	-	1.054.503.562.500	(1.054.503.562.500)	4.000.000.000.000	-	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	-	530.000.000.000	(530.000.000.000)	-	-	
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	-	-	(900.000.000.000)	-	-	
Công ty Thành Phố Xanh	Công ty liên kết	145.000.000.000	-	-	-	-	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► **Giao dịch vay và cho vay:**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc cho vay	Vay	Đơn vị tính: VND Thanh toán gốc vay
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	-	-	(66.955.000.000)	1.117.871.297.667
Công ty Quản lý BĐS Vinhomes	Công ty con	-	-	(1.105.000.000.000)	600.000.000.000
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	7.547.291.715.472	(5.373.885.698.246)	(1.426.621.040.755)	1.426.621.040.755
Công ty Sài Đồng	Công ty con	1.059.595.916.263	(526.295.916.263)	(2.438.453.233.183)	2.304.151.191.120
Công ty Xavinco	Công ty con	-	-	-	1.112.435.000.000
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	4.952.198.383.906	(3.118.198.383.906)	(7.202.932.946.902)	7.987.967.113.569
Công ty Xây dựng Vincom 2	Công ty con	20.800.000.000	(20.800.000.000)	(125.000.000.000)	-
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	-	-	(1.200.000.000.000)	1.321.500.000.000
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	474.000.000.000	-	-	129.865.861.848
Công ty Xalivico	Công ty con	-	-	(235.000.000.000)	-
Công ty Ngôi sao Phương Nam	Công ty con	-	-	(599.000.000.000)	-
Công ty Hoa Mai	Công ty con	-	-	(170.755.000.000)	1.100.000.000
Công ty MỄ Trì	Công ty con	-	-	(120.000.000.000)	-
Công ty Vinmec	Công ty con	293.000.000.000	(893.000.000.000)	(2.590.000.000.000)	720.000.000.000
Công ty Vincommerce	Công ty con	1.808.909.646.800	(2.575.627.730.134)	(1.695.000.000.000)	1.695.000.000.000
Công ty Vinpro	Công ty con	-	-	(550.000.000.000)	70.000.000.000
Công ty VinDS	Công ty con	34.200.000.000	(34.200.000.000)	(315.800.000.000)	-
Công ty Triển lãm Việt Nam	Công ty con	-	-	(669.436.450.000)	-
Công ty Ngọc Viễn Đông	Công ty liên kết	-	-	(475.000.000.000)	60.300.000.000

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► **Giao dịch vay và cho vay: (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc cho vay	Vay	Thanh toán gốc vay
Công ty Vinmart+	Công ty con	-	-	(1.685.000.000.000)	-
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	490.872.367.027	(1.709.200.640.675)	(3.341.656.789.804)	795.315.971.178
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	872.942.860.510	(1.643.851.613.883)	(2.745.979.064.343)	-
Công ty FPI	Công ty con	-	-	(274.000.000.000)	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	4.922.000.000.000	(1.600.000.000.000)	-	894.987.500.000
Công ty B&S Thăng Long	Công ty liên kết	39.000.000.000	-	-	-
Công ty Ánh Sao	Công ty con	75.100.000.000	(75.100.000.000)	-	-
Công ty Thời đại	Công ty con	574.837.109.126	(73.000.000.000)	-	-
Công ty Vinpearland	Công ty con	769.513.378.749	(272.013.378.749)	-	-
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	2.718.200.000.000	(4.734.154.548.946)	-	-
Công ty BFF	Công ty con	170.000.000.000	-	-	-
Công ty Vinlinks	Công ty con	78.059.136.597	(32.700.000.000)	-	-
Công ty Vinpearl	Công ty con	776.888.407.885	-	-	-
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	261.000.000.000	(110.000.000.000)	-	-
Công ty Hòn Một	Công ty con	39.000.000.000	-	-	-
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	847.200.000.000	(544.000.000.000)	-	-
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	1.318.000.000.000	(600.000.000.000)	-	-
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	265.200.000.000	(138.700.000.000)	-	-
Công ty M.Y.M	Công ty liên kết	71.359.684.788	(1.081.859.684.788)	-	-
Công ty Thành phố Xanh	Công ty liên kết	500.000.000.000	(500.000.000.000)	-	-

Đơn vị tính: VND

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

311 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► **Giao dịch vay và cho vay: (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc cho vay	Vay	Thanh toán gốc vay	Đơn vị tính: VND
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	359.132.500.000	(359.132.500.000)	(6.116.634.166.667)	5.331.600.000.000	
Công ty BFF	Công ty con	166.500.000.000	(85.000.000.000)	-	-	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	3.385.358.594.162	(450.904.045.216)	(655.286.504.695)	2.316.364.629.695	
Công ty Xavinco	Công ty con	-	-	(1.082.000.000.000)	45.065.000.000	
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	161.000.000.000	(90.000.000.000)	-	-	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	3.880.593.982.774	(3.416.000.000.000)	-	-	
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	2.268.432.512.440	(1.275.229.550.457)	-	-	
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	345.700.116.667	(367.700.116.667)	(791.175.745.181)	661.309.883.333	
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	918.950.240.495	(254.136.363.636)	-	-	
Công ty Vinpearl	Công ty con	957.443.078.665	(1.849.417.031.000)	-	-	
Công ty Vinpearlland	Công ty con	778.500.000.000	(479.000.000.000)	-	-	
Công ty Xây dựng Vincom	Công ty con	928.629.632.372	(928.629.632.372)	(1.149.916.297.667)	99.000.000.000	
Công ty Vincom Retail	Công ty con	1.815.000.000.000	(877.058.333.333)	(5.429.414.406.250)	4.388.012.500.000	
Công ty Thời Đại	Công ty con	-	-	(181.900.000.000)	4.101.014.380.438	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	6.355.520.209.862	(7.856.720.209.862)	(95.000.000.000)	69.903.142.063	
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	95.600.000.000	-	-	-	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch vay và cho vay: (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc cho vay	Vay	Đơn vị tính: VND	
					Thanh toán gốc vay	
Công ty Vinmec	Công ty con	600.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Vincommerce	Công ty con	990.000.000.000	-	(70.000.000.000)	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	20.000.000.000	(20.000.000.000)	(1.437.000.000.000)	138.000.000.000	138.000.000.000
Công ty Vinfashion	Công ty con	1.010.500.000.000	-	-	-	-
Công ty Vincom Center Hạ Long	Công ty con	-	-	(213.000.000.000)	213.000.000.000	213.000.000.000
Công ty Thành phố Xanh	Công ty liên kết	-	-	(300.000.000.000)	300.000.000.000	300.000.000.000

► Giao dịch thu và trả lãi vay

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi vay phải thu	Lãi vay phải trả	Lãi vay đã trả	Đơn vị tính: VND	
					Lãi vay đã thu	Lãi vay đã thu
Công ty Xavinco	Công ty con	-	(31.173.161.398)	73.498.297.365	-	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	41.707.573.404	(120.865.839.874)	184.798.473.594	(134.904.062.575)	(134.904.062.575)
Công ty Vincom Retail	Công ty con	975.093.481.497	(421.550.881.494)	369.557.500.000	(549.583.509.317)	(549.583.509.317)
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	130.787.026.749	-	-	(154.295.575.559)	(154.295.575.559)
Công ty Vinpearland	Công ty con	72.642.845.162	-	-	(44.333.609.054)	(44.333.609.054)
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	425.238.596.899	-	-	(485.041.221.894)	(485.041.221.894)
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	214.213.027.779	-	-	(210.888.888.865)	(210.888.888.865)

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch thu và trả lãi vay (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi vay phải thu	Lãi vay phải trả	Lãi vay đã trả	Đơn vị tính: VND Lãi vay đã thu
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	113.929.175.694	-	12.223.225.001	(11.500.464.301)
Công ty VMM Royal City	Công ty con	210.888.888.799	-	-	(210.888.888.810)
Công ty Sài Đồng	Công ty con	279.402.690.676	(584.266.431)	-	(294.654.246.231)
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	253.646.698.246	-	-	(224.034.649.438)
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	258.205.615.464	-	-	(131.333.876.356)
Công ty Vinpearl	Công ty con	23.482.269.904	-	-	(100.950.155.876)
Công ty Vincom Retail	Công ty con	799.471.883.249	(368.110.422.915)	355.350.669.307	(697.238.542.768)
Công ty Thời Đại	Công ty con	-	(143.076.597.779)	250.314.869.207	-

► Giao dịch qua tài khoản quản lý tiền tập trung

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tiền chuyển từ công ty con vào tài khoản quản lý tiền tập trung	Tiền chuyển từ tài khoản quản lý tiền tập trung cho các công ty con	Đơn vị tính: VND
Công ty Vinmart+	Công ty con	(132.050.831.931)	144.797.483.676	
Công ty Vinecom	Công ty con	(196.039.893.288)	218.480.274.955	
Công ty Vinpearl	Công ty con	(427.106.402.239)	422.528.742.380	
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	(3.265.396.087.182)	3.155.450.109.586	
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	(1.290.609.569.355)	1.369.692.009.764	
Công ty M.Y.M	Công ty liên kết	(312.949.898.790)	331.128.059.841	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Giao dịch qua tài khoản quản lý tiền tập trung (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tiền chuyển từ công ty con vào tài khoản quản lý tiền tập trung	Tiền chuyển từ tài khoản quản lý tiền tập trung cho các công ty con	Đơn vị tính: VND
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	(2.436.712.420.511)	2.424.586.237.570	
Công ty Quản lý BĐS Vinhomes	Công ty con	(1.029.808.777.429)	1.082.553.654.985	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	(662.519.593.924)	1.012.029.899.636	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	(1.942.366.385.927)	1.827.634.280.680	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	(5.430.453.441.723)	5.618.954.579.119	
Công ty Xavinco	Công ty con	(109.872.004.015)	123.407.283.721	
Công ty Xây dựng Vincom 2	Công ty con	(572.771.004.209)	672.110.878.989	
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	(580.690.175.221)	590.620.006.660	
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	(1.172.695.065.533)	1.229.517.041.733	
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	(336.256.560.750)	358.772.132.349	
Công ty Vinpearland	Công ty con	(180.967.836.288)	179.629.453.942	
Công ty Vinmec	Công ty con	(1.738.089.119.035)	1.664.139.894.256	
Công ty Vinschool	Công ty con	(908.494.809.612)	919.089.574.461	
Công ty Bảo vệ Vincom	Công ty con	(262.238.250.958)	287.465.025.300	
Công ty Vincommerce	Công ty con	(3.100.727.245.788)	3.196.791.553.498	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch qua tài khoản quản lý tiền tập trung (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tiền chuyển từ công ty con vào tài khoản quản lý tiền tập trung	Tiền chuyển từ tài khoản quản lý tiền tập trung cho các công ty con	Đơn vị tính: VND
Công ty Vinschool	Công ty con	(186.003.685.856)	173.051.893.576	
Công ty BFF	Công ty con	(82.606.310.684)	76.186.121.246	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	(846.041.764.829)	821.986.178.472	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	(1.437.229.211.507)	1.340.240.241.991	
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	(410.069.387.366)	296.988.182.560	
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	(190.852.109.778)	151.132.591.172	
Công ty Vinpearl	Công ty con	(73.510.093.841)	68.776.369.960	
Công ty Vinpearlland	Công ty con	(131.784.119.242)	128.635.456.086	
Công ty Xây dựng Vincom	Công ty con	(238.879.490.773)	225.536.538.903	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	(234.985.904.840)	100.615.144.055	
Công ty Vinmec	Công ty con	(277.924.503.618)	196.333.252.058	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► *Giao dịch thu và chi khác*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bên liên quan

Công ty Xây dựng Vincom 1

Mối quan hệ

Công ty con

Phải thu khác/Đã trả khác
167.175.703.303

Đơn vị tính: VND
Phải trả khác/Đã thu khác
(3.354.530.796)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bên liên quan

Công ty Xây dựng Vincom

Công ty Vincom Retail

Công ty BĐS Viettronics

Mối quan hệ

Công ty con

Công ty con

Công ty con

Phải thu khác/Đã trả khác
21.448.280.898
523.415.377.437
1.175.000.000.000

Đơn vị tính: VND
Phải trả khác/Đã thu khác
(575.995.960.919)
(523.415.377.437)
(600.000.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ **Giao dịch với Quỹ Thiện Tâm (tổ chức cùng chủ sở hữu với Công ty)**

<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí từ thiện phát sinh	(90.000.000.000)	(209.539.649.765)
Chuyển tiền cho Quỹ Thiện Tâm	-	280.130.000.000
Nhận tiền hoàn lại từ Quỹ Thiện Tâm	(75.988.420.340)	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã cung cấp các khoản vay cho các bên liên quan với lãi suất từ 7%/năm đến 16,469%/năm và nhận các khoản vay từ các bên liên quan với lãi suất từ 6%/năm tới 13%/năm. Các khoản cho vay và vay này không có tài sản đảm bảo và được thanh toán bằng tiền hoặc cần trừ công nợ.

Trong năm, Công ty đã cung cấp dịch vụ quản lý cho các công ty con. Theo đó, Công ty đã ghi nhận doanh thu quản lý khi phân bổ lại các chi phí hoạt động phát sinh trên cơ sở tỷ trọng doanh thu của các công ty con với tỷ suất lợi nhuận biên 10%. Ngoài ra, Công ty cũng phát sinh một số giao dịch thu hộ/chi hộ cho các công ty con.

Trong năm, Công ty cũng đã tính phí sử dụng thương hiệu Vinhomes cho các công ty con. Theo đó, Công ty sẽ tính phí dựa trên 1% doanh thu thuần thực tế từ hoạt động bất động sản của các công ty con sử dụng thương hiệu Vinhomes cho hoạt động kinh doanh.

Trong năm, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu từ các bên liên quan (ngày 31 tháng 12 năm 2014: mức dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện theo định kỳ thông qua việc xem xét khả năng tài chính và thị trường hoạt động của các bên liên quan.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan

▶ Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	Phí quản lý phải thu	-	145.596.886.833	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Phí quản lý phải thu	12.053.250	120.213.363.203	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	Phí quản lý phải thu	199.615.260.788	55.570.894.844	
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	Phí quản lý phải thu	38.300.000	35.632.284.069	
Công ty Xavinco	Công ty con	Phí quản lý phải thu	-	16.500.000.000	
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	Phí quản lý phải thu	34.944.719	2.375.530.691	
Công ty VinGS	Công ty con	Phí quản lý phải thu	-	3.433.000.375	
Công ty Thời Đại	Công ty con	Doanh thu điện nước phải thu	-	1.065.154.464	
Công ty Vinmec	Công ty con	Doanh thu điện nước phải thu	1.407.459.445	9.219.367.955	
Công ty Vinschool	Công ty con	Phí quản lý phải thu	-	21.894.411.174	
Công ty Vinpearl	Công ty con	Doanh thu điện nước phải thu	-	176.000.000	
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Phí quản lý phải thu	18.533.934.497	34.718.966.124	
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	Phí quản lý phải thu	32.158.153.923	40.287.586.000	
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	Phí quản lý phải thu	6.098.707.137	-	
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	Phí quản lý phải thu	6.488.951.220	-	
Các công ty khác	Công ty con	Phí quản lý phải thu	6.644.820.494	4.767.532.351	
		Doanh thu điện nước phải thu	2.941.634.241	-	
		Doanh thu cho thuê	328.455.910	282.909.072	
		Doanh thu điện nước phải thu	277.203.606	-	
			274.579.879.230	491.733.887.155	

▶ Trả trước cho người bán ngân hàng (Thuyết minh số 7)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Quý Thiện Tâm	Tổ chức có cùng chủ sở hữu	Tạm ứng cho mục đích xây dựng công trình từ thiện	-	88.659.007.976

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 10)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
Công ty BFF	Công ty con	Lãi vay phải thu	14.856.769.238	1.374.283.130	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	Chi hệ phải thu Lãi vay phải thu	- 18.719.166.665	441.480.870 42.227.715.475	
Công ty Vinmec	Công ty con	Phải thu từ bán cổ phần Lãi vay phải thu	- 366.823.464	422.341.898.952 12.200.000.000	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	Chi hệ phải thu Lãi vay phải thu	164.241.199 1.166.666.670	119.201.599 57.672.041.665	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Phải thu từ bán cổ phần Cổ tức phải thu Lãi vay phải thu Các khoản chi hệ phải thu	- - 17.435.947.221 4.643.054.509	1.481.439.467.097 385.546.875.000	
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty liên kết	Đặt cọc mua cổ phần Cổ tức phải thu	77.535.805.847 939.964.899.900	- -	
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	Lãi vay phải thu	3.988.998.211	179.534.749	
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Lãi vay phải thu Lãi vay phải thu Cổ tức phải thu	9.232.222.222 527.743.312.661 1.276.770.100	102.428.711.393 102.233.340.481	
Công ty VinGS	Công ty con	Các khoản chi hệ phải thu	5.295.364.464	-	
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	Phải thu từ bán cổ phần Lãi vay phải thu	- 5.553.537	85.006.000.000 3.297.250.000	
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	Các khoản chi hệ phải thu Phải thu chi phí truyền thông Lãi vay phải thu Lãi vay phải thu	1.371.856.200 3.983.055.556 45.149.861.112	4.114.615.749	
				22.976.388.891	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

► Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 10) (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	Lãi vay phải thu	36.214.338.889	539.077.777	
Công ty Vinpearl	Công ty con	Lãi vay phải thu	15.311.127.516	1.531.486.109	
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	Lãi vay phải thu	-	47.872.367.027	
		Chi hộ phải thu	44.889.000	2.376.777.595	
Công ty Vinpearliland	Công ty con	Lãi vay phải thu	91.835.609.052	19.192.763.890	
		Các khoản chi hộ phải thu	672.169.248	965.553.084	
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	Lãi vay phải thu	5.534.472.221	15.147.914.701	
		Chi hộ phải thu	12.786.938	521.244.507	
Công ty Vinschool	Công ty con	Phải thu từ bán cổ phần	-	73.616.000.000	
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	Các khoản chi hộ phải thu	21.296.032.415	20.481.155.578	
Công ty M.Y.M	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu	1.443.461.791	9.374.069.445	
Công ty Vincommerce	Công ty con	Lãi vay phải thu	100.527.776	1.288.194.444	
		Chi hộ phải thu	414.307.351	520.673.935	
Công ty Vinmart+		Phải thu chi phí truyền thông	1.096.065.600	-	
Công ty Thời Đại	Công ty con	Lãi vay phải thu	42.522.699.432	-	
Công ty Hòn Mê	Công ty con	Lãi vay phải thu	1.946.388.887	-	
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	Lãi vay phải thu	30.479.694.447	27.155.555.533	
		Các khoản chi hộ phải thu	1.765.441.837	-	
Các công ty khác	Công ty con	Lãi vay phải thu	1.721.550.051	90.027.777	
		Phải thu chi phí truyền thông	3.505.559.429	-	
		Phải thu khác	168.553.583	1.753.903.198	
		Các khoản chi hộ phải thu	2.197.454.748	-	
			1.931.183.498.987	2.955.357.556.150	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh số 13)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Đặt cọc mua cổ phần	-	4.000.000.000.000
			-	4.000.000.000.000

▶ Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 21)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	Lãi vay phải trả	20.963.804.174	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	Lãi vay phải trả	11.721.773	63.944.355.493
Công ty Xavinco	Công ty con	Lãi vay phải trả	-	42.325.135.967
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	Lãi vay phải trả	82.738.541.665	6.562.206.181
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	Lãi vay phải trả	-	6.636.972.222
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	Lãi vay phải trả	-	11.152.354.862
Công ty Thời Đại	Công ty con	Lãi vay phải trả	-	49.162.890.874
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Lãi vay phải trả	124.929.133.021	72.935.751.527
Công ty Vinmec	Công ty con	Lãi vay phải trả	11.570.416.667	-
Công ty Ngôi sao Phương Nam	Công ty con	Lãi vay phải trả	8.386.000.000	-
Công ty Triển Lãm Việt Nam	Công ty con	Lãi vay phải trả	24.141.284.942	-
Công ty Vinmart+	Công ty con	Lãi vay phải trả	6.724.861.112	-
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Lãi vay phải trả	13.184.173.703	-
Công ty Ngọc Viễn Đông	Công ty liên kết	Lãi vay phải trả	5.025.300.000	-
Công ty VinDS	Công ty con	Lãi vay phải trả	1.473.733.333	-

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 22) (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Vinpearl Phú quốc	Công ty con	Lãi vay phải trả	23.244.634.101	-
Công Ty Quản lý BĐS Vinhomes	Công ty con	Lãi vay phải trả	17.032.361.109	-
Công Ty Xây Dựng Vincom 2	Công ty con	Lãi vay phải trả	510.416.667	-
Công ty Vinpro	Công ty con	Lãi vay phải trả	3.004.166.666	-
Công ty Xalivico	Công ty con	Lãi vay phải trả	4.135.833.333	-
Công ty FPI	Công ty con	Lãi vay phải trả	1.753.055.556	-
Công ty Hoa Mai	Công ty con	Lãi vay phải trả	927.585.555	-
Các công ty con khác	Công ty con	Lãi vay phải trả	23.333.333	2.276.709.442
			349.780.356.710	254.996.376.568

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải trả người bán (Thuyết minh số 19)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
Công ty Xây Dựng Vincom 1	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	65.262.585.469	3.563.707.377	
Công ty Vincom	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	21.600.180	19.026.267.979	
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	-	2.070.714.624	
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Nam	Công ty cùng chủ sở hữu	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	-	1.614.704.300	
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	998.472.002	496.263.032	
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	-	419.945.129	
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	-	27.478.000	
Công ty Quản lý Bất động sản Vinhomes	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	558.602.907	-	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	241.429.523	365.743.801	
Công ty Vinpearl Phú quốc	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	5.930.271.827	135.561.324	
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	5.042.118.305	-	
Công ty Vinpro	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	2.654.449.500	-	
Công ty Vincommerce	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	1.609.511.063	-	
Các công ty con khác	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	2.012.885.036	1.743.098.831	
			84.331.925.812	29.463.484.397	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 22)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả Thu hộ phải trả	446.499.275.228 478.712.640	-	96.988.969.516
Công ty Vinschool	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	23.546.557.129	-	12.951.792.280
Công ty VinGS	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	-	509.849.097	509.849.097
Công ty Bảo vệ Vincom	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	31.977.815.643	-	6.751.041.301
Công ty Vinecom	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	25.080.874.998	-	2.640.493.331
Công ty Vinpearl	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	156.064.022	-	4.733.723.881
		Tiền mua cổ phần phải trả	-	-	25.000.000.000
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	3.135.227.210	-	113.081.204.806
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	19.638.655.538	-	134.370.760.785
		Chi hộ phải trả	-	-	40.801.352.790
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả Thu hộ phải trả	213.066.572.850 585.875.437	-	24.055.586.357
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả Thu hộ phải trả	96.541.494.806 216.946.937	-	39.719.518.606
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	1.216.768.929	-	13.342.951.870
		Phải trả tiền tạm ứng theo Hợp đồng tổng thầu xây dựng nguyên tác	412.000.000.000	-	575.000.000.000
		Phải trả khác	83.438.856	-	-
Công ty Vinpearland	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	1.810.280.810	-	3.148.663.156
Công ty Vinmec	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	7.485.311.562	-	81.434.536.341
Công ty BFF	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	8.762.366.636	-	6.420.189.438
Công ty Vincommerce	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	96.064.307.710	-	-
Công ty Xavinco	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	14.034.189.538	-	498.909.832

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 22) (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Vinmart+	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	12.746.651.745	-
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	9.929.831.439	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Thu hộ phải trả	500.942.851	-
		Tiền quản lý tập trung phải trả	6.754.348.053	-
		Tiền đặt cọc theo hợp đồng hợp tác đầu tư một dự án bất động sản tiềm năng	810.514.542.712	-
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	Thu hộ phải trả	367.313.879	-
		Tiền quản lý tập trung phải trả	22.515.571.599	-
		Tiền quản lý tập trung phải trả	52.744.877.556	-
Công ty Quản lý Bất động sản Vinhomes	Công ty con			
Công ty Xây dựng Vincom 2	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	99.339.874.780	-
Công ty Xây dựng Vincom 3	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	3.435.844.268	-
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	79.082.440.409	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	Nhận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	1.733.000.000.000	-
Công ty Marketing VME	Công ty con	Phải trả khác	1.017.023.208	-
Công ty M.Y.M	Công ty liên kết	Tiền quản lý tập trung phải trả	18.178.161.051	-
Các công ty con khác	Công ty con	Thu chi hộ phải trả	902.538.096	1.594.993.423
		Phải trả khác	30.097.500	-
			4.253.440.795.625	1.183.044.536.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.3 Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay

► **Phải thu ngắn hạn về cho vay** (Thuyết minh số 8)

Chi tiết các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	3.740.000.000.000	7%	11/06/2016
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	1.000.000.000.000	11%	28/12/2016
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty liên kết	55.204.181.818	7%	12/02/2016
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	1.834.000.000.000	7%	08/06/2016
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	180.000.000.000	10%	14/03/2016
		10.000.000.000	10%	14/03/2016
		27.000.000.000	10%	17/03/2016
		25.000.000.000	10%	23/03/2016
		20.000.000.000	10%	30/03/2016
		25.000.000.000	10%	30/04/2016
		32.000.000.000	10%	09/11/2016
		120.000.000.000	10%	20/05/2016
		10.000.000.000	10%	04/12/2016
		25.000.000.000	10%	14/12/2016
Công ty Thời Đại	Công ty con	501.837.109.126	11%	29/05/2016
Công ty Vinpearlland	Công ty con	300.000.000.000	12%	01/02/2016
		15.000.000.000	12%	27/12/2016
		25.000.000.000	12%	20/12/2016
		156.000.000.000	12%	27/11/2016
		60.000.000.000	10%	08/06/2016
		40.000.000.000	10%	15/06/2016
		10.000.000.000	10%	18/06/2016
		18.000.000.000	10%	29/06/2016
		97.000.000.000	12%	22/12/2016
		35.000.000.000	12%	22/01/2016
		8.000.000.000	12%	28/04/2016
		7.000.000.000	12%	26/05/2016
		6.000.000.000	12%	14/06/2016
		20.000.000.000	12%	24/06/2016
Công ty BFF	Công ty con	25.500.000.000	7%	22/11/2016
		176.000.000.000	7%	03/09/2016
		7.000.000.000	7%	24/06/2016
		2.000.000.000	7%	24/07/2016
		2.000.000.000	7%	17/07/2016
		4.000.000.000	7%	03/08/2016
		4.000.000.000	7%	13/08/2016
		3.000.000.000	7%	25/08/2016
		6.000.000.000	7%	14/09/2016
		7.000.000.000	7%	06/10/2016
		3.000.000.000	7%	26/10/2016
		7.000.000.000	7%	13/11/2016
		5.000.000.000	7%	10/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.3 Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay (tiếp theo)

► **Phải thu ngắn hạn về cho vay** (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)

Chi tiết các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
Công ty Vincommerce	Công ty con	46.281.916.666	7%	29/06/2016
		170.000.000.000	7%	30/06/2016
		7.000.000.000	7%	30/11/2016
Công ty Vinlinks	Công ty con	1.227.715.215	7%	10/09/2016
		598.173.463	7%	11/03/2016
		6.800.000.000	9%	17/03/2016
		1.649.321.013	7%	17/01/2016
		1.287.357.701	7%	25/01/2016
		331.822.258	7%	02/02/2016
		6.500.000.000	9%	05/04/2016
		529.655.147	7%	15/02/2016
		1.676.145.776	7%	21/02/2016
		10.000.000.000	9%	23/02/2016
		180.921.946	7%	26/02/2016
		452.020.861	7%	28/02/2016
		1.438.721.233	7%	29/02/2016
		5.000.000.000	9%	29/04/2016
		494.139.933	7%	12/03/2016
		1.314.102.899	7%	13/03/2016
		1.628.493.426	7%	23/03/2016
		804.283.810	7%	27/03/2016
		83.116.819	7%	04/04/2016
456.633.778	7%	11/04/2016		
406.511.319	7%	14/04/2016		
2.500.000.000	9%	22/04/2016		
Công ty Vinpearl	Công ty con	776.888.407.885	7%	27/08/2016
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	167.000.000.000	7%	14/09/2016
		10.000.000.000	7%	03/02/2016
		245.000.000.000	7%	01/03/2016
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	398.800.000.000	11%	30/09/2016
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	138.700.000.000	7%	17/12/2016
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	50.000.000.000	7%	23/04/2016
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	25.000.000.000	7%	10/03/2016
		10.000.000.000	7%	21/03/2016
		17.000.000.000	7%	28/03/2016
		38.000.000.000	7%	31/03/2016
		41.000.000.000	7%	12/04/2016
		51.000.000.000	7%	26/04/2016
		15.000.000.000	7%	05/05/2016
		55.000.000.000	7%	09/11/2016
		60.000.000.000	7%	16/11/2016
		50.000.000.000	7%	23/11/2016
21.000.000.000	7%	01/06/2016		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.3 Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm		Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
		2015	VND		
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	90.000.000.000		7%	07/06/2016
		95.000.000.000		7%	21/06/2016
		150.000.000.000		7%	29/06/2016
		11.426.570.752.092			

Chi tiết các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm		Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
		2014	VND		
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	1.000.000.000.000		12%	16/03/2015
		1.934.454.548.946		7%	25/04/2015
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	1.036.593.982.774		12%	30/06/2015
		530.000.000.000		12%	01/05/2015
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	993.202.961.983		11%	25/01/2015
		225.125.311.665		11%	28/02/2015
Công ty M.Y.M	Công ty liên kết	1.010.500.000.000		7%	14/05/2015
Công ty Vincommerce	Công ty con	990.000.000.000		7%	05/06/2015
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	770.908.753.373		10%	31/12/2015
Công ty Vinmec	Công ty con	600.000.000.000		12%	30/06/2015
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	271.000.000.000		10%	15/03/2015
Công ty Vinpearlland	Công ty con	210.000.000.000		7%	27/05/2015
		89.500.000.000		7%	30/04/2015
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	95.600.000.000		7%	30/03/2015
Công ty BFF	Công ty con	25.500.000.000		9%	21/05/2015
		56.000.000.000		7%	03/03/2015
Công ty VinGS	Công ty con	81.500.000.000		9%	01/05/2015
Công ty Khánh Gia	Công ty con	12.200.000.000		7%	17/06/2015
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty liên kết	16.204.181.818		7%	02/12/2015
		9.948.289.740.559			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.3 Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay (tiếp theo)

► **Phải thu dài hạn về cho vay** (Thuyết minh số 8)

Chi tiết các khoản cho vay dài hạn không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
Công ty Vincom Retail	Công ty con	4.218.600.000.000	16,47%	06/05/2018
		4.689.941.666.667	9,28%	30/12/2018
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	1.600.000.000.000	13,00%	14/02/2019
Công ty Sài Đồng	Công ty con	533.300.000.000	11,00%	16/09/2019
Công ty Hòn Một	Công ty con	39.000.000.000	10,00%	24/04/2017
		11.080.841.666.667		

Chi tiết các khoản cho vay dài hạn không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
Công ty Vincom Retail	Công ty con	4.218.600.000.000	16,47%	06/05/2018
		1.367.941.666.667	14,00%	30/12/2018
Công ty VMM Royal City	Công ty con	1.600.000.000.000	13,00%	14/02/2019
		7.186.541.666.667		

31.4 Chi tiết các khoản đi vay từ các bên liên quan

► **Vay ngắn hạn** (Thuyết minh số 23.1)

Chi tiết các khoản đi vay không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
Công ty Quản Lý BĐS Vinhomes	Công ty con	106.000.000.000	7%	01/06/2016
		108.000.000.000	7%	02/06/2016
		26.000.000.000	7%	24/06/2016
		105.000.000.000	7%	24/07/2016
		100.000.000.000	7%	29/07/2016
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	60.000.000.000	7%	21/10/2016
		500.000.000.000	7%	28/09/2016
		677.500.000.000	7%	03/06/2016
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	46.340.818.625	7%	08/07/2016
		200.000.000.000	7%	28/08/2016
		70.000.000.000	7%	06/10/2016
		2.100.000.000.000	7%	19/10/2016
Công ty Sài Đồng	Công ty con	130.000.000.000	7%	03/11/2016
		159.398.900.000	7%	22/10/2016
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	1.085.000.000.000	7%	30/04/2016
		215.000.000.000	7%	30/05/2016
Công ty Xalivico	Công ty con	1.445.979.064.343	7%	01/07/2016
		55.000.000.000	7%	02/12/2016
		180.000.000.000	7%	14/09/2016
Công ty Ngôi sao Phương Nam	Công ty con	419.000.000.000	7%	21/04/2016
		180.000.000.000	7%	21/04/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.4 Chi tiết các khoản đi vay từ các bên liên quan (tiếp theo)

► **Vay ngắn hạn** (Thuyết minh số 23.1)

Chi tiết các khoản đi vay không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày đáo hạn
		VND	Lãi suất %/năm	
Công ty Ngọc Viễn Đông	Công ty liên kết	424.700.000.000	7%	05/05/2016
Công ty FPI	Công ty con	175.000.000.000	10%	18/06/2016
		99.000.000.000	10%	23/05/2016
Công ty Triển lãm Việt Nam	Công ty con	599.436.450.000	6%	29/05/2016
		70.000.000.000	6%	04/06/2016
Công ty Vinmart+	Công ty con	1.685.000.000.000	7%	11/12/2016
Công ty Hoa Mai	Công ty con	169.655.000.000	7%	04/12/2016
Công ty Vinpro	Công ty con	480.000.000.000	7%	02/12/2016
Công ty VinDS	Công ty con	315.800.000.000	7%	07/06/2016
Công ty Vinmec	Công ty con	1.870.000.000.000	7%	11/06/2016
Công ty Xây Dựng Vincom 2	Công ty con	125.000.000.000	7%	11/01/2016
Công ty Mễ Trì	Công ty con	120.000.000.000	7%	30/06/2016
		14.101.810.232.968		

Chi tiết các khoản đi vay không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2014		Ngày đáo hạn
		VND	Lãi suất %/năm	
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	1.299.000.000.000	7%	25/05/2015
Công ty Xavinco	Công ty con	1.112.435.000.000	7%	01/06/2015
Công ty Xây dựng Vincom	Công ty con	1.050.916.297.667	7%	02/06/2015
Công ty Vincom Retail	Công ty con	894.987.500.000	7%	27/05/2015
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	785.034.166.667	7%	25/06/2015
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	129.865.861.848	10%	16/06/2015
Công ty Sài Đồng	Công ty con	25.096.857.937	13%	08/06/2015
Công ty Ngọc Viễn Đông	Công ty liên kết	10.000.000.000	7%	31/01/2015
Công ty Bảo vệ Vincom	Công ty con	10.000.000.000	7%	11/02/2015
Công ty Vinschool	Công ty con	9.000.000.000	7%	03/03/2015
Công ty BĐS Hồ Tây	Công ty con	2.105.006.054	12%	05/05/2015
		5.328.440.690.173		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

31.4 Chi tiết các khoản đi vay từ các bên liên quan (tiếp theo)

► **Vay dài hạn** (Thuyết minh số 23.2)

Chi tiết các khoản đi vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12	Lãi	Ngày đáo hạn	Tài sản đảm bảo
		năm 2015	suất		
		VND	%/năm		
Công ty Vincom Retail	Công ty con	2.510.492.366.939	13%	12/01/2019	Không
		2.510.492.366.939			

Chi tiết các khoản đi vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12	Lãi	Ngày đáo hạn	Tài sản đảm bảo
		năm 2014	suất		
		VND	%/năm		
Công ty Vincom Retail	Công ty con	2.478.671.566.166	13%	12/01/2019	Không
		2.478.671.566.166			

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	24.709.478.446	19.220.752.820
	24.709.478.446	19.220.752.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CHI TIẾT BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Mã số 05. Lãi từ hoạt động đầu tư		
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	(122.397.763.656)	(7.856.643.291)
Thu nhập lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	<u>(5.980.942.399.335)</u>	<u>(4.775.368.559.989)</u>
Tổng cộng	<u>(6.103.340.162.991)</u>	<u>(4.783.225.203.280)</u>
Mã số 21. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(254.798.171.882)	(44.024.849.747)
Tiền chi đầu tư vào các dự án bất động sản tiềm năng	<u>(3.131.462.363.057)</u>	<u>(13.416.683.021)</u>
Tổng cộng	<u>(3.386.260.534.939)</u>	<u>(57.441.532.768)</u>
Mã số 25. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Tiền chi đầu tư vào công ty con	(12.857.011.549.842)	(4.645.271.731.244)
Tiền chi mua cổ phần/góp vốn vào các công ty khác	(2.538.687.013.589)	(702.685.000.000)
Tiền tạm ứng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	<u>(3.423.954.604.750)</u>	<u>(5.530.000.000.000)</u>
Tổng cộng	<u>(18.819.653.168.181)</u>	<u>(10.877.956.731.244)</u>
Mã số 26. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Tiền thu do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con sau khi trừ chi phí chuyển nhượng	8.599.646.043.230	2.674.705.882.222
Thu hồi tiền đặt cọc cho mục đích đầu tư vào các dự án bất động sản	860.514.542.712	1.132.500.000.000
Tiền nhận đặt cọc từ đối tác để nhượng bán các khoản đầu tư vào đơn vị khác	1.733.000.000.000	275.000.000.000
Thu lại tiền đặt cọc cho mục đích mua cổ phần của công ty con	<u>3.922.464.194.153</u>	<u>232.200.000.000</u>
Tổng cộng	<u>15.115.624.780.095</u>	<u>4.314.405.882.222</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư

STT	Bên nhận đầu tư	Vốn góp của bên nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		Số vốn thực góp	Số vốn chưa góp
			Số tiền	%	Số tiền	Số tiền
			VND	VND	VND	VND
1	Công ty Tây Tăng Long	300.000.000.000	30.000.000.000	10,00	635.000.000	29.365.000.000
2	Công ty Bảo vệ Vincom	50.000.000.000	50.000.000.000	100,00	2.000.000.000	48.000.000.000
3	Công ty Xây dựng Vincom 2	300.000.000.000	282.000.000.000	94,00	156.100.000.000	125.900.000.000
4	Công ty Vinhomes 2	100.000.000.000	94.000.000.000	94,00	5.640.000.000	88.360.000.000
5	Công ty Xây dựng Vincom 3	100.000.000.000	94.000.000.000	94,00	33.810.000.000	60.190.000.000
6	Công ty Quản lý BĐS Vinhomes	100.000.000.000	100.000.000.000	100,00	31.000.000.000	69.000.000.000
7	Công ty Xây dựng Vincom 6	50.000.000.000	47.000.000.000	94,00	2.100.000.000	44.900.000.000
8	Công ty Xây dựng Vincom 7	50.000.000.000	47.000.000.000	94,00	17.000.000.000	30.000.000.000
9	Công ty VinAcademy	50.000.000.000	47.000.000.000	94,00	28.500.000.000	18.500.000.000
10	Công ty VinEco	2.000.000.000.000	1.400.000.000.000	70,00	493.600.000.000	906.400.000.000
		3.100.000.000.000	2.191.000.000.000		770.385.000.000	1.420.615.000.000

Các cam kết liên quan đến các hoạt động đầu tư xây dựng

Công ty đã ký kết các hợp đồng liên quan đến việc triển khai các dự án bất động sản của Công ty. Tổng số vốn cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 ước tính là 1.780 tỷ VND.

Theo Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2015, UBND Thành phố Hà Nội đã phê duyệt điều chỉnh bổ sung phân kỳ đầu tư của dự án xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường vành đai 2, đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở theo hình thức hợp đồng BT. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị đầu tư ước tính giai đoạn 1 của dự án còn phải thực hiện là 2.591 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các cam kết khác

Cam kết nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty con hiện hữu từ một cá nhân

Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký ngày 28 tháng 9 năm 2015 giữa Công ty và một cổ đông của Công ty con hiện hữu, Công ty cam kết nhận chuyển nhượng 26.379.686 cổ phần, tương đương với 31,72% vốn điều lệ của Công ty con hiện hữu. Giá trị của hợp đồng chuyển nhượng này là 852,7 tỷ VND.

Cam kết nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty liên kết từ các cá nhân

Theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần ký ngày 25 tháng 11 năm 2015 giữa Công ty và các đối tác cá nhân, Công ty cam kết nhận chuyển nhượng 40% cổ phần của một công ty liên kết. Giá trị của hợp đồng chuyển nhượng này là 1.320 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã chuyển số tiền đặt cọc cho các cá nhân này là 400 tỷ VND.

Cam kết theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Triển lãm Việt Nam

Theo hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược ký giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam ngày 13 tháng 3 năm 2015, Công ty cam kết huy động 100% vốn để thực hiện dự án Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc Gia theo đúng quy hoạch đã phê duyệt. Chậm nhất 3 năm kể từ khi Công ty Triển lãm Việt Nam nhận được mặt bằng, giai đoạn 1 của Khu Hội chợ Triển lãm Quốc Gia phải được hoàn thành trừ trường hợp chậm trễ phát sinh do nguyên nhân khách quan.

Cam kết nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của một khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tập đoàn

Theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần ký ngày 25 tháng 11 năm 2015 giữa Công ty và các đối tác cá nhân, Công ty cam kết nhận chuyển nhượng 125.923.258 cổ phần, tương đương với 41,97% cổ phần của một công ty hiện đang là một khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tập đoàn. Giá trị của hợp đồng chuyển nhượng này là 3.194 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã chuyển số tiền đặt cọc cho các cá nhân này là 3.000 tỷ VND.

Cam kết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án Vũ Yên

Theo Công văn số 3070/UBND-ĐC2 của UBND Thành phố Hải Phòng ngày 21 tháng 5 năm 2015, Công ty có nghĩa vụ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện đầu tư xây dựng Dự án Vũ Yên với tổng số tiền là 351,8 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số tiền đền bù còn lại theo cam kết là 132,5 tỷ VND.

Cam kết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi đất thuộc dự án Khu đô thị Vinhomes Riverside Hải Phòng

Theo Quyết định số 2294/QĐ-UBND của UBND quận Hồng Bàng ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty có nghĩa vụ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện đầu tư xây dựng Dự án Khu đô thị Vinhomes Riverside Hải Phòng với tổng số tiền là 728,3 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số tiền đền bù còn lại theo cam kết là 428,3 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các cam kết liên quan đến hợp đồng thuê hoạt động mà Tập đoàn là bên đi thuê

Tập đoàn, là bên đi thuê, đã ký kết một số hợp đồng thuê hoạt động, chủ yếu là thuê tài sản và thuê quyền sử dụng đất, với số tiền thuê tối thiểu theo các thỏa thuận này vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	13.448.210.280	-
Trên 1 đến 5 năm	53.792.841.120	-
Trên 5 năm	<u>238.574.918.147</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>305.815.969.547</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200

Một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính năm nay do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Mã số	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG		Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được phân loại lại)
	Đầu tư ngắn hạn	(1)	11.128.236.360.604	(11.128.236.360.604)	(**)
121	Chứng khoán kinh doanh	(1)	(*)	105.781.413.500	105.781.413.500
	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2)	(77.245.017.700)	77.245.017.700	(**)
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2)	(*)	(31.336.416.600)	(31.336.416.600)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(1)	(*)	613.621.378.611	613.621.378.611
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	(3)	25.707.557.582	88.659.007.975	114.366.565.557
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	(1)	(*)	10.095.161.190.581	10.095.161.190.581
136	Phải thu ngắn hạn khác	(3)	3.219.663.790.306	(87.950.275.871)	3.131.713.514.435
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2)	(23.083.251.751)	(45.908.601.100)	(68.991.852.851)
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	(4)	35.530.445.611	(9.303.353.064)	26.227.092.547
155	Tài sản ngắn hạn khác	(3)	4.247.747.328.596	(708.732.104)	4.247.038.596.492
215	Phải thu về cho vay dài hạn	(5)	(*)	8.091.074.666.667	8.091.074.666.667
216	Phải thu dài hạn khác	(6)	(*)	3.540.000	3.540.000
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(1)	10.196.244.610	313.672.377.912	323.868.622.522
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(5)	(*)	564.085.000.000	564.085.000.000
	Đầu tư dài hạn khác	(5)	8.655.159.666.667	(8.655.159.666.667)	(**)
261	Chi phí trả trước dài hạn	(7)	720.305.231.696	(643.628.136.053)	76.677.095.643
268	Tài sản dài hạn khác	(6)	2.600.003.540.000	(3.540.000)	2.600.000.000.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(8)	6.679.185.237	243.159.240.000	249.838.425.237
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	(9)	566.135.479.708	(45.793.622)	566.089.686.086
319	Phải trả ngắn hạn khác	(8),(9)	1.816.476.547.694	(243.113.446.378)	1.573.363.101.316
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(7)	6.049.846.940.173	(22.353.047.536)	6.027.493.892.637
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(4), (7), (10)	19.832.268.463.709	(3.972.862.532.495)	15.859.405.931.214
339	Trái phiếu chuyển đổi	(7), (10)	(*)	3.342.284.090.914	3.342.284.090.914
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(11)	(*)	21.000.000.000	21.000.000.000
	Quỹ dự phòng tài chính	(11)	21.000.000.000	(21.000.000.000)	(**)

(*) Các chỉ tiêu mới của Bảng cân đối kế toán theo Thông tư 200.

(**) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán không còn được trình bày theo Thông tư 200.

(1) Phân loại đầu tư ngắn hạn sang:

- ✧ chứng khoán kinh doanh: 105.781.413.500 VND;
- ✧ đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: 613.621.378.611 VND;
- ✧ phải thu về cho vay ngắn hạn: 10.095.161.190.581 VND; và
- ✧ chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 313.672.377.912 VND.

(2) Phân loại dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn sang:

- ✧ dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: 31.336.416.600 VND; và
- ✧ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: 45.908.601.100 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

- (3) Phân loại từ phải thu ngắn hạn khác (87.950.275.871) VND và tài sản ngắn hạn khác (708.732.104 VND) sang trả trước cho người bán ngắn hạn;
- (4) Bù trừ chi phí trả trước ngắn hạn với vay và nợ thuê tài chính dài hạn: 9.303.353.064 VND do đây là các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành các khoản vay và nợ đó;
- (5) Phân loại đầu tư dài hạn khác sang phải thu về cho vay dài hạn: 8.091.074.666.667 VND;
- (6) Phân loại lại tài sản dài hạn khác sang phải thu dài hạn khác: 3.540.000 VND;
- (7) Bù trừ chi phí trả trước dài hạn là các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành các khoản vay và nợ với:
- ☛ vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: 22.353.047.536 VND;
 - ☛ vay và nợ thuê tài chính dài hạn: 475.159.179.431 VND; và
 - ☛ trái phiếu chuyển đổi: 146.115.909.086 VND.
- (8) Phân loại lại phải trả ngắn hạn khác sang thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: 243.159.240.000 VND;
- (9) Phân loại chi phí phải trả ngắn hạn sang phải trả ngắn hạn khác: 45.793.622 VND;
- (10) Phân loại lại vay và nợ thuê tài chính dài hạn sang trái phiếu chuyển đổi: 3.488.400.000.000 VND; và
- (11) Phân loại lại quỹ dự phòng tài chính sang quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: 21.000.000.000 VND.

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán năm 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ này do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Mã số	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
			(đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	
31	Thu nhập khác	(12)	21.030.657.125	(7.327.126.212)	13.703.530.913
32	Chi phí khác	(12)	(11.500.310.830)	7.327.126.212	(4.173.184.618)

- (12) Ghi nhận thu nhập khác và chi phí khác của việc thanh lý tài sản cố định theo cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ này do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Mã số	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)	
					Trình bày lại	
06	Chi phí lãi vay	(13)	2.205.286.657.388	199.660.540.710	2.404.947.198.098	
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(13)	7.174.690.323	(199.660.540.710)	(192.485.850.387)	

(13) Phân loại thay đổi chi phí trả trước sang chi phí lãi vay (199.660.540.710 VND).

Một số khoản mục tương ứng trên thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của thuyết minh báo cáo tài chính của kỳ này do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)	
				Trình bày lại	
Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	(14)	3.530.096.837.142	(2.649.894.654.766)	880.202.182.376	
Trong đó					
Chi phí khác	(14)	2.974.368.164.349	(2.649.894.654.766)	324.473.509.583	

(14) Loại trừ chi phí tài chính (2.649.894.654.766 VND) ra khỏi chi phí khác của chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 15 tháng 1 năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng 5% cổ phần Công ty Ngôi Sao Phương Nam từ Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Tuệ với giá chuyển nhượng là 30 tỷ VND, nâng tỷ lệ nắm giữ của Công ty trong công ty con này lên 94%.

Vào ngày 5 tháng 2 năm 2016, Công ty đã phát hành thành công hai loại trái phiếu trong nước với tổng mệnh giá lần lượt là 1.950 tỷ VND và 1.050 tỷ VND, đáo hạn lần lượt vào năm 2021 và 2026, chịu lãi suất từ 7,75%/năm đến 8,5%/năm. Các khoản trái phiếu này được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility (CGIF), một quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á.

Vào ngày 3 tháng 3 năm 2016, Công ty đã được lựa chọn làm nhà đầu tư chiến lược tại Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam theo Quyết định số 712/QĐ-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Theo đó, Công ty sẽ nhận chuyển nhượng 44.141.474 cổ phần, tương đương với 65% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam theo hình thức thỏa thuận trực tiếp.

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2016, Công ty đã hoàn thành giao dịch nhận chuyển nhượng 5% cổ phần Công ty Nam Hà Nội, tương ứng với 10.000.000 cổ phiếu từ Công ty Sài Đồng với mức giá chuyển nhượng là 501 tỷ VND, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Nam Hà Nội từ 93,9% lên 98,9%.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Ngô Thị Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Vincom Retail	Công ty Vincom Retail	100,00%	99,02%	Số 7 Đường Bằng Lãng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam	Công ty Vincom Retail Miền Nam	100,00%	99,02%	72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Q1, TPHCM	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
3	Công ty TNHH Vincom Retail Miền Bắc	Công ty Vincom Retail Miền Bắc	100,00%	99,02%	Số 72A, Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
4	Công ty TNHH Metropolis	Công ty Metropolis	100,00%	99,02%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
5	Công ty TNHH Riverview Complex Đà Nẵng	Công ty Riverview Đà Nẵng	97,11%	96,16%	Đường Ngô Quyền, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Suối Hoa	Công ty Suối Hoa	88,00%	87,14%	Km1 + 200, Đường Trần Hưng Đạo, P. Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Vin Tây	Công ty Vin Tây	95,00%	94,07%	14, Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
8	Công ty Cổ phần Trung tâm Văn hóa thể thao giải trí Hà Nội	Công ty Trung tâm Văn hóa thể thao giải trí Hà Nội	100,00%	99,02%	Số 2, Phạm Ngọc Thạch, phường Trung Tự, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
9	Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh và Phát triển Đô Thị Ngôi Sao Xanh	Công ty Ngôi sao xanh	100,00%	99,02%	Số 12, ngõ 99, đường Nam Đường, tổ 19, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
10	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phong	Công ty An Phong	100,00%	99,02%	3 Đường 3/2, phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
11	Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư và Phát triển Thời Đại	Công ty Thời Đại	100,00%	100,00%	72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Q1, TPHCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
12	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes 1	Công ty Vinhomes 1	100,00%	100,00%	Số 7 Đường Bằng Lãng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
13	Công ty TNHH Kinh doanh Bất Động Sản Vinhomes 2	Công ty Vinhomes 2	100,00%	99,92%	Số 7 Đường Bằng Lãng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
14	Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Vinhomes	Công ty Quản lý BĐS Vinhomes	100,00%	100,00%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quản lý, tư vấn, quảng cáo và môi giới về bất động sản
15	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Thành phố Hoàng Gia	Công ty Hoàng Gia	98,38%	98,38%	Số 72A, Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
16	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	Công ty Nam Hà Nội	98,90%	98,60%	Số 458 Phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
17	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng	Công ty Sài Đồng	94,00%	94,00%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
18	Công ty Cổ phần Bất động sản Xavincó	Công ty Xavincó	96,44%	96,42%	Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
19	Công ty TNHH Hợp tác Kinh doanh và Phát triển ISADO	Công ty ISADO	70,00%	65,80%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Công ty Tân Liên Phát	75,00%	74,68%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
21	Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Ngân	Công ty Hồng Ngân	99,00%	93,06%	Số 31 Ngõ Giếng, phố Đồng Các, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
22	Công ty TNHH Xalivico	Công ty Xalivico	74,00%	71,35%	233 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
23	Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam	Công ty Triển lãm Việt Nam	83,32%	83,32%	148 Đường Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
24	Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh và phát triển đô thị Ngôi Sao Phương Nam	Công ty Ngôi sao Phương Nam	90,00%	89,99%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
25	Công ty TNHH kinh doanh thương mại dịch vụ Hoa Mai	Công ty Hoa Mai	74,00%	74,00%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
26	Công ty Cổ phần Phát triển thể thao và giải trí Mễ Trì	Công ty Mễ Trì	67,17%	67,17%	Số 7 Đại Lộ Thăng Long, phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
27	Công ty Cổ phần Đồng Phú Hưng - Bình Thuận	Công ty Đồng Phú Hưng – Bình Thuận	100,00%	98,45%	Quốc lộ 55, thôn Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
28	Công ty TNHH Metropolis Hà Nội	Công ty Metropolis Hà Nội	100,00%	98,38%	Lô đất HH, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
29	Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Hoa Hường Dương	Công ty Hoa Hường Dương	100,00%	75,16%	T4-L2-10, phòng 10 tầng 2, tòa nhà T4- TTTM Times City, số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng,	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
30	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel	Công ty Vinaconex-Viettel	98,30%	75,12%	Tầng 9, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, tp Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
31	Công ty Cổ phần Vinpearl	Công ty Vinpearl	100,00%	88,31%	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
32	Công ty TNHH Quản lý Khách sạn Vinpearl	Công ty Quản lý Khách sạn Vinpearl	100,00%	88,31%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, môi giới, đấu giá bất động sản, quang bá tour du lịch, dịch vụ lưu trú ngắn ngày
33	Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang	Công ty Vinpearl Nha Trang	100,00%	88,31%	Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
34	Công ty TNHH MTV Vinpearl Đà Nẵng	Công ty Vinpearl Đà Nẵng	100,00%	88,31%	Đường Trường Sa, Phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
35	Công ty TNHH MTV Vinpearl Hội An	Công ty Vinpearl Hội An	100,00%	88,31%	Khối Phước Hải, phường Cửa Đại, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
36	Công ty Cổ phần Vinpearl Quy Nhơn	Công ty Vinpearl Quy Nhơn	98,00%	86,54%	Khu Du lịch Vinpearl Quy Nhơn, Khu Kinh tế Nhơn Hội, thôn Hải Giang, Xã Nhơn Hải, Quy Nhơn, Bình Định	Cung cấp dịch vụ du lịch sinh thái và các loại hình du lịch khác
37	Công ty TNHH Future Property Investment	Công ty FPI	100,00%	88,31%	Đường Trường Sa, Phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
38	Công ty TNHH Bất động sản Tây Tăng Long	Công ty Tây Tăng Long	59,00%	53,27%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
39	Công ty TNHH Khách sạn và Du lịch Tây Hồ View	Công ty Tây Hồ View	70,00%	61,81%	58 đường Tây Hồ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
40	Công ty TNHH Vinpearl Bãi Dài	Công ty Vinpearl Bãi Dài	90,00%	79,48%	17A Bạch Đằng, Phường Phước Tiến, Nha Trang, Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
41	Công ty TNHH Đầu tư Cam Ranh	Công ty Cam Ranh	90,00%	79,48%	16 Mạc Đĩnh Chi, Phường Phước Tiến, Nha Trang, Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
42	Công ty Cổ phần Du lịch Hòn Một	Công ty Hòn Một	83,63%	73,85%	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
43	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hòn Tre	Công ty Hòn Tre	90,00%	79,48%	Số 42/2 Đồng Nai, Phường Phước Hải, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày
44	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	Công ty Du lịch Phú Quốc	55,00%	48,57%	Khu Bãi Dài, Xã Gành Dầu, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
45	Công ty TNHH MTV Vinpearl Phú Quốc	Công ty Vinpearl Phú Quốc	100,00%	48,57%	Khu Bãi Dài, Xã Gành Dầu, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
46	Công ty TNHH Vinpearl Hạ Long	Công ty Vinpearl Hạ Long	100,00%	88,31%	Đảo Rều, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
47	Công ty TNHH Quản lý sân Golf Vinpearl	Công ty Quản lý sân Golf Vinpearl	100,00%	88,31%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
48	Công ty TNHH Quản lý Vincharm SPA	Công ty Vincharm SPA	100,00%	88,31%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM	Cung cấp dịch vụ chăm sóc sắc đẹp
49	Công ty TNHH Vinpearlland	Công ty Vinpearlland	100,00%	100,00%	Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
50	Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thương mại BFF	Công ty BFF	86,96%	86,94%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh
51	Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp Vincommerce	Công ty Vincommerce	69,51%	51,91%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh
52	Công ty Cổ phần Vinmart+	Công ty Vinmart+	69,51%	51,91%	Số 7, đường Bằng Lăng 1, KĐT sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh
53	Công ty TNHH Vinecom	Công ty Vinecom	55,00%	55,00%	Tower 2, Khu Đô thị Times City, số 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Bán lẻ qua điện thoại và internet
54	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vinpro	Công ty Vinpro	100,00%	99,92%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn, máy tính, phần mềm và thiết bị viễn thông
55	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinDS	Công ty VinDS	70,00%	69,02%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Bán lẻ tại các trung tâm thương mại hoặc cửa hàng tiện ích
56	Công ty cổ phần dịch vụ Logistics Siêu tốc	Công ty Siêu tốc	97,00%	96,96%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác liên quan
57	Công ty Cổ phần Vinlinks	Công ty Vinlinks	79,96%	79,96%	Tầng 5, toà nhà 3D, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác liên quan
58	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 1	Công ty Xây dựng Vincom 1	100,00%	100,00%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
59	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 2	Công ty Xây dựng Vincom 2	100,00%	99,92%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
60	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 3	Công ty Xây dựng Vincom 3	100,00%	99,92%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
61	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 7	Công ty Xây dựng Vincom 7	100,00%	99,92%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
62	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	Công ty Vinmec	100,00%	89,20%	Số 458, Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ bệnh viện
63	Công ty TNHH MTV Vinschool	Công ty Vinschool	100,00%	100,00%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giáo dục
64	Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VinAcademy	Công ty VinAcademy	100,00%	99,92%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giáo dục
65	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Vincom	Công ty Bảo vệ Vincom	100,00%	100,00%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
66	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp VinEco	Công ty VinEco	70,00%	70,00%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
67	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp VinEco-Tam Đảo	Công ty VinEco Tam Đảo	89,02%	62,32%	Thôn Cơ Quan, TT Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
68	Công ty TNHH Nông nghiệp Đồng Nai – VinEco	Công ty VinEco Đồng Nai	77,50%	54,25%	Km13, Quốc Lộ 51, ấp Long Khánh 3, Xã Tam Phước, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
69	Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản và Phát triển Hạ tầng Đô thị Hà Thành	Công ty Hà Thành	100,00%	100,00%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Xây dựng công trình đường sá và đường bộ
70	Công ty TNHH TTTM Buôn Ma Thuột	Công ty Buôn Ma Thuột	100,00%	51,91%	Số 78, đường Lý Thường Kiệt, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đak Lak	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
71	Công ty Cổ phần Hợp Nhất Thương Mại	Công ty Hợp nhất Thương Mại	99,80%	79,80%	Tầng 5, toà nhà 3D, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác liên quan
72	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 6	Công ty Xây dựng Vincom 6	100,00%	99,92%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
73	Công ty TNHH Marketing VME	Công ty Marketing VME	100,00%	99,92%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ marketing
74	Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng và Quản lý Cảnh quan Vinlandscape	Công ty Vinlandscape	100,00%	100,00%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
75	Công ty Cổ phần Siêu thị Đại Dương	Công ty Siêu thị Đại Dương	80,00%	41,53%	Số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh

About EY

EY is a global leader in assurance, tax, transaction and advisory services. The insights and quality services we deliver help build trust and confidence in the capital markets and in economies the world over. We develop outstanding leaders who team to deliver on our promises to all of our stakeholders. In so doing, we play a critical role in building a better working world for our people, for our clients and for our communities.

EY refers to the global organization and/or one or more of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2016 Ernst & Young Vietnam Limited.
All Rights Reserved.

ey.com

